Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-09-11 17:10:03 +07:00

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Số: 1671/QĐ-TTg

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chiến lược quốc gia về trí tuệ nhân tạo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Trí tuệ nhân tạo ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân ngày 26 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kết luận số 18-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số";

Căn cứ Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cập nhật, bổ sung Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số";

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 158/TTr-BKHCN ngày 28 tháng 7 năm 2026 và Văn bản số 6576/BKHCN-CNCNTT ngày 26 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chiến lược quốc gia về trí tuệ nhân tạo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Chiến lược)

I. QUAN ĐIỂM

1. Chuyển từ tư duy nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (sau đây viết tắt là AI) sang nghiên cứu, phát triển AI và chuyển đổi toàn diện quốc gia bằng AI (chuyển đổi AI quốc gia). Chuyển mạnh từ cách tiếp cận đưa AI vào sản phẩm, dịch vụ, quy trình và hệ thống sang lấy AI làm năng lực cốt lõi ngay từ khâu xác định bài toán, thiết kế, tổ chức và vận hành. AI trở thành động lực quan trọng để tái thiết kế phương thức quản trị, sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ; thúc đẩy tăng năng suất, nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, đổi mới sáng tạo và hình thành các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới. Lấy nhân lực, hạ tầng và dữ liệu làm nền tảng; lấy thể chế và quản trị AI làm đột phá.

2. Chiến lược quốc gia về AI là chiến lược lớn của Đảng và Nhà nước, bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước; phát huy vai trò chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương, phân công rõ trách nhiệm, gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả chuyển đổi AI. Đồng thời, hoàn thiện thể chế và quản trị AI an toàn, tin cậy, lấy con người làm trung tâm. Bảo đảm cân bằng giữa thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi AI quốc gia với yêu cầu an toàn, an ninh, đạo đức, trách nhiệm giải trình và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và lợi ích quốc gia.

3. Phát triển nhân lực là nền tảng quyết định đối với nghiên cứu, phát triển AI và chuyển đổi AI quốc gia. Tập trung phát triển nguồn nhân lực AI chất lượng cao, nhân tài AI, nhân lực tinh hoa AI; đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng kỹ năng AI cho lực lượng lao động; phổ cập kỹ năng AI cho toàn xã hội; chuyển mạnh từ đào tạo kỹ năng công nghệ đơn lẻ sang đào tạo năng lực tạo ra sản phẩm, dịch vụ và giá trị thực tiễn bằng AI; thu hút, trọng dụng chuyên gia AI hàng đầu, chuyên gia Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia là người nước ngoài.

4. Phát triển đồng bộ hạ tầng, dữ liệu, mô hình và nền tảng AI dùng chung, đáp ứng yêu cầu chuyển từ cách tiếp cận đưa AI vào sản phẩm, dịch vụ, quy trình và hệ thống sang lấy AI làm năng lực cốt lõi ngay từ khâu xác định bài toán, thiết kế, tổ chức và vận hành. Hạ tầng tính toán AI là hạ tầng trọng tâm chiến lược quốc gia, được đầu tư bởi Nhà nước, doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài, không chỉ sử dụng trong nước mà còn cung cấp ra thế giới. Phát triển hạ tầng tính toán theo hướng xanh, tiết kiệm năng lượng, có khả năng mở rộng bền vững; phát triển dữ liệu dùng chung, hạ tầng dữ liệu

quốc gia, mô hình AI và nền tảng AI dùng chung. Bảo đảm an toàn dữ liệu, an ninh mạng và chủ quyền AI; duy trì quyền chủ động kiểm soát, định hướng và bảo vệ các thành tố cốt lõi của hệ sinh thái AI quốc gia, gồm dữ liệu, hạ tầng tính toán, mô hình AI, chuỗi cung ứng và công nghệ; ưu tiên công nghệ nguồn mở, mô hình có trọng số mở và các giải pháp cho phép kiểm tra, tùy chỉnh, triển khai độc lập, từng bước giảm phụ thuộc vào bên ngoài.

5. Doanh nghiệp AI Việt Nam là lực lượng chủ lực trong nghiên cứu, phát triển, triển khai và chuyển đổi AI quốc gia. Khuyến khích doanh nghiệp chuyển từ tích hợp thêm AI vào sản phẩm, dịch vụ và quy trình hiện có sang thiết kế sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh và phương thức quản trị lấy AI làm nền tảng ngay từ đầu; phát triển doanh nghiệp vận hành dựa trên AI (AI-native) và các sản phẩm, nền tảng, dịch vụ, giải pháp AI "Make in Viet Nam". Thúc đẩy thương mại hóa, phổ cập AI, từng bước làm chủ công nghệ lõi, xây dựng hệ sinh thái AI Việt Nam có năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường trong nước, khu vực và quốc tế.

6. Hợp tác quốc tế về AI phải gắn với nâng cao năng lực nội sinh và bảo đảm tự chủ chiến lược quốc gia. Chủ động tiếp thu có chọn lọc tri thức, công nghệ, kinh nghiệm quản trị, tiêu chuẩn, nhân lực, nguồn lực đầu tư và thị trường toàn cầu; thúc đẩy đồng nghiên cứu, đồng phát triển, chuyển giao công nghệ và tham gia sâu vào chuỗi giá trị AI toàn cầu. Hợp tác quốc tế phải góp phần nâng cao năng lực làm chủ các công nghệ AI cốt lõi, đa dạng hóa đối tác, nền tảng, nguồn công nghệ và chuỗi cung ứng; không phụ thuộc vào một thị trường, một nền tảng, một mô hình, một nguồn công nghệ hoặc một chuỗi cung ứng duy nhất; bảo đảm lợi ích quốc gia, chủ quyền AI, an ninh quốc gia và an toàn dữ liệu.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, đưa Việt Nam trở thành một trong những trung tâm có năng lực nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và đồng kiến tạo giá trị về AI trong khu vực ASEAN và châu Á; hình thành năng lực quốc gia mạnh về nghiên cứu, phát triển, làm chủ, triển khai và quản trị AI.

AI trở thành năng lực cốt lõi, được tích hợp sâu, toàn diện vào hoạt động quản trị quốc gia, cung cấp dịch vụ công, sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và đời sống xã hội; góp phần quan trọng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh quốc gia và tạo ra các sản phẩm, dịch vụ, mô hình tăng trưởng mới.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Tác động quốc gia

- Việt Nam thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu khu vực Đông Nam Á về nghiên cứu và phát triển AI.

- Quy mô nền kinh tế AI tương đương khoảng 6% GDP.

- Năng suất lao động trong các ngành, lĩnh vực ứng dụng AI tăng tối thiểu 10 - 15%.

- Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ và giải pháp tích hợp AI đạt khoảng 05 tỷ USD.

b) Kết quả

- 60% doanh nghiệp có ứng dụng AI ghi nhận tăng năng suất, giảm chi phí, tăng doanh thu.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng nền tảng AI công vụ hàng tuần.

- 60% quyết định chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước được hỗ trợ bởi dữ liệu và AI.

- Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với dịch vụ công được hỗ trợ bởi AI tăng tối thiểu 30% so với năm 2026.

- Số lượng công bố khoa học quốc tế về AI tăng trung bình 10%/năm.

- Số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế liên quan đến AI của người Việt Nam tăng trung bình 16 - 18%/năm.

- Tỷ lệ khai thác thương mại các sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ đạt 8 - 10%.

- Có ít nhất 100 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo về AI đạt giá trị doanh nghiệp trên 10 triệu USD.

c) Sản phẩm đầu ra

- 100% bộ, ngành, địa phương ban hành kế hoạch triển khai Chiến lược.

- 100% dịch vụ công trực tuyến được tích hợp, hỗ trợ bởi AI.

- 100% hồ sơ thủ tục hành chính được hỗ trợ xử lý bằng AI.

- 100% trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh được nâng cấp theo hướng tích hợp AI phục vụ phân tích, dự báo, cảnh báo, giám sát và hỗ trợ ra quyết định.

- Hình thành 01 nền tảng điều phối năng lực tính toán AI quốc gia.

- Hình thành 01 nền tảng đánh giá mô hình AI tiếng Việt.

- Phát triển tối thiểu 05 nền tảng AI dùng chung quốc gia.

- Hình thành tối thiểu 10 thương hiệu AI của Việt Nam có năng lực cạnh tranh trên thị trường khu vực và quốc tế.

- Phát triển tối thiểu 08 mô hình AI tiếng Việt gồm:

+ Tối thiểu 02 mô hình nhỏ, dưới 07 tỷ tham số, phù hợp triển khai trên thiết bị biên, máy tính cá nhân và các nhiệm vụ chuyên biệt;

+ Tối thiểu 02 mô hình vừa, từ 07 tỷ đến dưới 70 tỷ tham số, phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp và các bài toán chuyên ngành;

+ Tối thiểu 02 mô hình lớn, từ 70 tỷ đến dưới 300 tỷ tham số, có năng lực tổng quát cao, phục vụ các bài toán quy mô lớn;

+ Tối thiểu 02 mô hình rất lớn, từ 300 tỷ tham số trở lên, định hướng phục vụ các bài toán nền tảng cấp quốc gia và tham gia cạnh tranh ở quy mô khu vực, quốc tế.

- Đào tạo trình độ cao, chuyên sâu cho tối thiểu 10.000 người về AI, bao gồm nhà nghiên cứu, kỹ sư và chuyên gia ứng dụng có năng lực nghiên cứu, phát triển công nghệ, triển khai và dẫn dắt các hệ thống AI quy mô lớn.

- Đào tạo, phát triển tối thiểu 50.000 nhân lực trình độ đại học trở lên có năng lực ứng dụng AI trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm.

- Đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng tối thiểu 500.000 người lao động có khả năng triển khai, vận hành và ứng dụng AI trong các ngành, lĩnh vực.

- Tối thiểu 10 triệu lao động đã qua đào tạo được trang bị kỹ năng sử dụng AI cơ bản.

- Tối thiểu 500.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã được hỗ trợ sản phẩm, giải pháp tích hợp AI.

d) Đầu vào

- Tổng đầu tư cho AI đạt 1 - 1,5% GDP hằng năm, bao gồm nguồn lực từ Nhà nước, doanh nghiệp trong và ngoài nước, quỹ đầu tư, hợp tác công - tư, nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác, trong đó đầu tư từ ngân sách nhà nước cho AI đạt khoảng 0,6% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm.

- Tổng năng lực hạ tầng tính toán AI do Nhà nước, doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài đầu tư tại Việt Nam đạt khoảng 560 EFLOPS BF16 hoặc khoảng 1.100 EFLOPS FP8, với tổng công suất điện khoảng 500 MW.

- Công suất điện cung cấp cho các trung tâm dữ liệu phục vụ AI tăng ít nhất 03 lần so với năm 2025.

- 100% cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trọng yếu và dữ liệu dùng chung thuộc danh mục được phê duyệt hoàn thành việc số hóa, chuẩn hóa, làm sạch, sẵn sàng khai thác cho AI.

- 100% các cơ quan nhà nước cấp bộ, cấp tỉnh mở và cung cấp dữ liệu mở bảo đảm chất lượng.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Việt Nam thuộc nhóm 10 quốc gia dẫn đầu châu Á về năng lực nghiên cứu, phát triển, làm chủ AI và chuyển đổi AI quốc gia. AI trở thành động lực chiến lược quan trọng, góp phần nâng cao năng suất, năng lực đổi mới sáng tạo và năng lực kiến tạo giá trị quốc gia; đưa Việt Nam vượt qua bẫy thu nhập trung bình, trở thành quốc gia phát triển có thu nhập cao vào năm 2045.

AI trở thành nền tảng vận hành chủ đạo của Nhà nước, nền kinh tế và xã hội. Việt Nam hoàn thành bước chuyển căn bản các thể chế, mô hình quản trị, quy trình nghiệp vụ, sản phẩm, dịch vụ, phương thức sản xuất, kinh doanh và hệ thống hạ tầng quan trọng được thiết kế, phát triển và vận hành trên nền tảng AI.

Việt Nam hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp AI, doanh nghiệp AI-native có năng lực cạnh tranh khu vực và quốc tế và trở thành trung tâm nghiên cứu, phát triển, sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ và giải pháp AI quan trọng của khu vực và toàn cầu.

III. CÁC TRỤ CỘT CHIẾN LƯỢC

1. Trụ cột 1. Nhân lực AI và kỹ năng AI toàn dân

Phát triển nhân lực AI chất lượng cao, phổ cập kỹ năng AI cho toàn xã hội, bảo đảm lực lượng lao động có năng lực nghiên cứu, phát triển, triển khai và sử dụng AI.

a) Tổ chức triển khai hiệu quả Chương trình quốc gia phát triển nhân lực AI; định kỳ rà soát, đánh giá, đề xuất sửa đổi, bổ sung Chương trình phù hợp thực tiễn.

b) Đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng các chuyên gia, kỹ sư trong các ngành, lĩnh vực kỹ năng chuyên ngành AI.

c) Xây dựng Đề án quốc gia đào tạo lại, bồi dưỡng cho nhóm lao động nguy cơ bị AI thay thế.

d) Tổ chức các khóa tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức sử dụng AI.

đ) Đào tạo các chuyên gia về an ninh mạng và AI.

e) Phổ cập AI toàn dân, toàn diện thông qua các khóa học đại trà trực tuyến mở (MOOCs).

g) Phát triển mạng lưới chuyên gia AI người Việt toàn cầu, phát hiện và bồi dưỡng tài năng trẻ trong nghiên cứu và phát triển công nghệ AI.

h) Tổ chức thực hiện chính sách thu hút nhân tài về AI.

2. Trụ cột 2. Dữ liệu, mô hình AI

Phát triển dữ liệu, hạ tầng dữ liệu và mô hình AI làm nền tảng cho nghiên cứu, phát triển, huấn luyện, kiểm thử, đánh giá và triển khai AI.

a) Phát triển, mở, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung và các bộ dữ liệu lớn, chất lượng cao phục vụ nghiên cứu, phát triển, huấn luyện, kiểm thử, đánh giá và triển khai mô hình AI.

b) Phát triển công nghệ gán nhãn, tổng hợp, xử lý, phân tích dữ liệu.

c) Phát triển hạ tầng dữ liệu, nền tảng chia sẻ dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ dữ liệu và thị trường dữ liệu phục vụ AI.

d) Hoàn thiện cơ chế mở, chia sẻ, lưu thông, truy cập an toàn và liên thông dữ liệu, bảo đảm an ninh dữ liệu, chủ quyền dữ liệu quốc gia.

đ) Hoàn thiện quy định về quyền tài sản đối với dữ liệu, sở hữu trí tuệ và khai thác hợp pháp nội dung phục vụ AI.

e) Phát triển, làm chủ và triển khai các mô hình AI có quy mô phù hợp, bao gồm mô hình nhỏ, mô hình vừa, mô hình lớn và mô hình chuyên ngành.

g) Xây dựng bộ chuẩn đánh giá mô hình AI tiếng Việt.

3. Trụ cột 3. Hạ tầng AI

Phát triển hạ tầng tính toán, điện toán đám mây, AI biên và trung tâm dữ liệu AI, bảo đảm năng lực tính toán phục vụ quản lý nhà nước, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và triển khai AI.

a) Phát triển hạ tầng AI phục vụ quản lý nhà nước.

b) Phát triển hạ tầng AI phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo.

c) Phát triển hạ tầng AI gồm hạ tầng điện toán đám mây, điện toán đám mây lai, đa đám mây cho AI; AI biên; AI trên thiết bị đầu cuối; AI kết hợp Internet vạn vật có khả năng xử lý và phản hồi theo thời gian thực do doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư, làm chủ, khai thác, vận hành.

d) Xây dựng nền tảng điều phối năng lực tính toán AI quốc gia, bảo đảm các nhóm đối tượng ưu tiên tiếp cận tài nguyên tính toán với chi phí hợp lý.

đ) Hỗ trợ chi phí sử dụng hạ tầng tính toán cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

e) Quy hoạch hạ tầng nước và năng lượng xanh cho trung tâm dữ liệu AI, HPC; bảo đảm đến năm 2030 công suất điện sạch cho trung tâm dữ liệu AI tăng ít nhất 03 lần so với năm 2025.

4. Trụ cột 4. Nghiên cứu, phát triển AI và làm chủ công nghệ AI

Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển và làm chủ công nghệ AI, hình thành sản phẩm, dịch vụ AI Make in Viet Nam và năng lực công nghệ lõi phục vụ các bài toán lớn của đất nước.

a) Xây dựng, phát triển 03 cơ sở nghiên cứu, trung tâm AI xuất sắc đặt tại thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Xây dựng, phát triển các liên minh nghiên cứu giữa doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo và các tổ chức xã hội để chia sẻ nguồn lực thúc đẩy phát triển, triển khai các công nghệ và thiết bị liên quan đến AI vào các ngành, lĩnh vực.

c) Nghiên cứu, phát triển các sản phẩm, dịch vụ AI "Make in Viet Nam" thông qua giải quyết các bài toán lớn, vấn đề thực tiễn của đất nước, hình thành thị trường cho sản phẩm AI nội địa, góp phần phát triển các doanh nghiệp AI Việt Nam, từng bước tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

d) Làm chủ và phát triển các công nghệ lõi về AI, công nghệ dữ liệu, AI biên, mô hình AI nền tảng thế hệ mới và các công nghệ AI tích hợp với công nghệ mới nổi.

đ) Đầu tư vào các nghiên cứu về tương tác người-máy (Human-Computer Interaction - HCI).

e) Đầu tư vào nghiên cứu cơ bản, đổi mới công nghệ, ưu tiên các công nghệ tích hợp AI và năng lượng.

g) Nghiên cứu, phát triển AI thế hệ mới có khả năng nhận thức, suy luận, dự báo và hành động trong thế giới thực, ưu tiên AI vật lý, trí tuệ không gian, mô hình thế giới, bản sao số thông minh.

h) Nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ AI và người máy (robot), công nghệ giám sát hiện trường thời gian thực nhằm chủ động bảo đảm an toàn, an ninh quốc gia trong tình hình mới.

i) Phát triển nền tảng AI phục vụ kiểm thử vi mạch chuyên dụng, đóng gói tiên tiến, vật liệu mới và các công nghệ chiến lược khác.

k) Phát triển các nền tảng, ứng dụng mở về AI sẵn có, chủ động tham gia đóng góp vào cộng đồng mở về AI.

l) Phát triển một số sản phẩm AI lưỡng dụng cho an ninh, quốc phòng.

m) Nghiên cứu tác động của AI đến con người và xã hội (nhận thức, đạo đức, việc làm, phúc lợi) nhằm bảo đảm AI an toàn, nhân văn, có trách nhiệm.

5. Trụ cột 5. AI trong quản trị quốc gia

Phát triển, triển khai và sử dụng AI trong quản trị quốc gia nhằm xây dựng nền quản trị hiện đại, chủ động, thích ứng nhanh trong kỷ nguyên AI; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, chất lượng cung cấp dịch vụ công, năng lực dự báo, chỉ đạo, điều hành và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

a) Triển khai ứng dụng AI phục vụ hoạt động của cơ quan Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương.

b) Tích hợp AI vào hạ tầng số dùng chung, nền tảng nghiệp vụ chuyên ngành và hệ thống thông tin phục vụ quản lý nhà nước.

c) Ứng dụng AI trong quản trị, chỉ đạo, điều hành: phân tích chính sách, đánh giá tác động, dự báo kinh tế - xã hội, xây dựng và rà soát văn bản quy phạm pháp luật, giám sát thực thi, hỗ trợ ra quyết định.

d) Phát triển trợ lý ảo chuyên ngành phục vụ người dân trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, nông nghiệp, lao động - việc làm - an sinh xã hội, văn hóa, thể thao và du lịch.

đ) Xây dựng, triển khai Nền tảng AI hỗ trợ công vụ quốc gia theo hướng AI-First, AI-Native, ưu tiên các nhóm bài toán: trợ lý AI công vụ; AI hỗ trợ cung cấp dịch vụ công; AI hỗ trợ xây dựng, rà soát, hoàn thiện thể chế; AI phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành.

e) Phát triển các Trung tâm điều hành thông minh ứng dụng công nghệ AI, Internet vạn vật (IoT), thiết bị bay không người lái (UAV), 5G, vệ tinh và các công nghệ tiên tiến; ứng dụng AI trong dự báo tình hình kinh tế - xã hội quốc gia, bộ, ngành, địa phương.

g) Ứng dụng bản sao số trong quản lý hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung.

6. Trụ cột 6. AI cho các ngành, lĩnh vực

Thúc đẩy chuyển đổi AI toàn diện trong các ngành, lĩnh vực; tập trung phát triển một số ngành, lĩnh vực trọng điểm có tác động lớn đến năng suất, tăng trưởng, năng lực cạnh tranh quốc gia, an sinh xã hội và đời sống người dân.

a) AI cho nghiên cứu khoa học

- Đẩy mạnh ứng dụng AI trong toàn bộ quy trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, gồm: phát hiện vấn đề nghiên cứu, tổng hợp tri thức, phân tích dữ liệu, mô phỏng, thiết kế thí nghiệm, hỗ trợ công bố, đánh giá kết quả nghiên cứu và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

- Tập trung ứng dụng AI trong khoa học tự nhiên; khoa học kỹ thuật và công nghệ; khoa học y, dược; khoa học nông nghiệp; khoa học xã hội; khoa học nhân văn; ưu tiên các hướng nghiên cứu gắn với công nghệ chiến lược, các lĩnh vực Việt Nam có lợi thế hoặc nhu cầu cấp thiết.

- Phát triển nền tảng tích hợp dữ liệu, thông tin, tri thức khoa học và công nghệ quốc gia; ứng dụng AI hỗ trợ tra cứu, phân tích, kết nối, khai thác dữ liệu khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) AI cho sản xuất công nghiệp

- Chuyển đổi quy trình sản xuất công nghiệp bằng AI, robot, bản sao số và tự động hóa thế hệ mới; phát triển nhà máy thông minh, dây chuyền sản xuất thông minh và hệ thống vận hành dựa trên dữ liệu theo thời gian thực.

- Ưu tiên phát triển, triển khai, sử dụng AI trong các lĩnh vực vật liệu; cơ khí chế tạo; ô tô; tàu biển; máy bay; cơ khí đường sắt; thiết bị công trình; thiết bị năng lượng, thiết bị điện, sản phẩm tiết kiệm năng lượng, pin lưu trữ; thiết bị y tế; sản xuất robot, thiết bị tích hợp vận hành tự động, điều khiển từ xa; công nghiệp chế tạo phục vụ nông nghiệp; hóa chất; điện tử, bán dẫn; chế biến thực phẩm; dệt may; khai khoáng.

- Phát triển, triển khai, sử dụng AI trong lập kế hoạch, tối ưu hóa sản xuất, điều phối dây chuyền, phân bổ nguồn lực, lập lịch sản xuất theo thời gian thực; kiểm soát chất lượng, phát hiện lỗi sản phẩm tự động, giám sát quá trình sản xuất liên tục; bảo trì dự báo, dự báo sự cố thiết bị, tối ưu lịch bảo trì, giảm thời gian ngừng máy và chi phí vận hành.

- Phát triển, triển khai, sử dụng AI trong mô phỏng, tối ưu thiết kế sản xuất, thiết kế sản phẩm và vật liệu mới; hỗ trợ ra quyết định vận hành; tối ưu chuỗi cung ứng, logistics, dự báo nhu cầu, quản lý tồn kho, giảm lãng phí; giám sát tự động, phòng ngừa tai nạn và quản lý môi trường nhà máy.

c) AI cho logistics và chuỗi cung ứng

- Chuyển đổi hoạt động logistics và chuỗi cung ứng bằng AI trong cảng biển, sân bay, kho vận, vận tải, thương mại điện tử, chuỗi cung ứng xuất nhập khẩu, chuỗi cung ứng công nghiệp, nông nghiệp và các trung tâm logistics trọng điểm.

- Phát triển logistics thông minh, chuỗi cung ứng số, nền tảng điều phối logistics theo thời gian thực, kho tự động, quản trị chuỗi cung ứng bằng AI, blockchain, truy xuất nguồn gốc, robot di động tự hành và bản sao số logistics.

- Phát triển, triển khai, sử dụng AI trong dự báo nhu cầu, tối ưu tuyến vận tải, tối ưu tải trọng, tối ưu tồn kho, điều phối phương tiện, quản lý kho bãi, quản

lý đơn hàng, dự báo gián đoạn chuỗi cung ứng, cảnh báo rủi ro, giảm thời gian giao nhận, giảm chi phí vận hành và nâng cao chất lượng dịch vụ logistics.

- Thúc đẩy liên thông dữ liệu giữa doanh nghiệp logistics, doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp thương mại điện tử, cảng biển, sân bay, kho vận, hải quan, cơ quan quản lý nhà nước và các nền tảng số liên quan để hình thành hệ sinh thái logistics và chuỗi cung ứng thông minh, minh bạch, an toàn, có khả năng kết nối khu vực và quốc tế.

d) AI cho giao thông, vận tải

- Phát triển, triển khai, sử dụng AI trong giao thông vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không dân dụng, nâng cao hiệu quả kết nối giữa các phương thức vận tải và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Phát triển hệ thống giao thông thông minh, cơ sở dữ liệu, nền tảng và giải pháp AI phục vụ thu thập, kết nối, phân tích, dự báo, giám sát, cảnh báo, điều hành và hỗ trợ ra quyết định.

- Phát triển, triển khai, sử dụng AI nhằm nâng cao an toàn, hiệu quả quản lý, khai thác và vận hành; thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, giảm phát thải và chuyển đổi xanh trong giao thông vận tải.

đ) AI cho nông nghiệp

- Chuyển đổi hoạt động sản xuất nông nghiệp bằng AI trong lai tạo giống, trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, quản lý đất, nước, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; phát triển thiết bị nông nghiệp thông minh, UAV nông nghiệp, robot nông nghiệp và các công cụ hỗ trợ sản xuất chính xác.

- Phát triển, triển khai, sử dụng AI trong quản lý rủi ro, truy xuất nguồn gốc, dự báo dịch bệnh, dự báo thiên tai, tối ưu chuỗi giá trị nông nghiệp và hỗ trợ ra quyết định cho người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp và cơ quan quản lý.

- Phát triển các nền tảng dữ liệu và dịch vụ AI phục vụ nông nghiệp, hỗ trợ phân tích dữ liệu khí tượng, thủy văn, thổ nhưỡng, mùa vụ, dịch bệnh, thị trường, giá cả và chuỗi cung ứng; cung cấp khuyến nghị kịp thời cho người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp và cơ quan quản lý.

- Phát triển, triển khai, sử dụng AI để nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm chi phí đầu vào, giảm thất thoát sau thu hoạch, nâng cao chất lượng nông sản, đáp ứng tiêu chuẩn truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn xanh và yêu cầu của thị trường xuất khẩu.

- Ưu tiên chuyển đổi AI đối với các ngành hàng có giá trị xuất khẩu cao, vùng Đồng bằng sông Cửu Long, vùng chịu tác động lớn của biến đổi khí hậu và các địa bàn có nhu cầu cấp thiết về chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp.

e) AI cho tài chính

- Phát triển, triển khai, sử dụng AI, phân tích thông minh để tối ưu hóa hoạt động trong lĩnh vực tài chính.

- Phát triển, triển khai, sử dụng AI trong phân tích dữ liệu, hỗ trợ phòng ngừa rủi ro trong các quy trình nghiệp vụ có số lượng giao dịch lớn và hỗ trợ công tác kiểm tra kiểm toán nội bộ, hỗ trợ khách hàng.

- Đẩy mạnh phát triển, triển khai, sử dụng AI trong quản lý thuế, hải quan và kho bạc nhà nước, tập trung hỗ trợ thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ, phân tích dữ liệu, quản lý rủi ro, kiểm soát chi ngân sách nhà nước; phát triển trợ lý AI hỗ trợ người dân, doanh nghiệp và công chức thực hiện nghiệp vụ.

g) AI cho ngân hàng

- Chuyển đổi hoạt động ngân hàng bằng AI trong quản trị, điều hành, cung ứng sản phẩm, dịch vụ, quản trị rủi ro, phòng, chống gian lận, giám sát giao dịch và tự động hóa quy trình nghiệp vụ; nâng cao hiệu quả hoạt động, chất lượng dịch vụ và khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng của người dân, doanh nghiệp.

- Thúc đẩy nghiên cứu và triển khai AI và các công nghệ số trong cung ứng sản phẩm, dịch vụ ngân hàng: phân tích, dự đoán nhu cầu, tối ưu hóa hành trình, trải nghiệm khách hàng; phát hiện gian lận, lưu trữ thông tin, phân tích dữ liệu; tối ưu hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, tiết giảm chi phí và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ tức thời cho khách hàng thông qua trợ lý ảo, robot.

- Nghiên cứu, phát triển, triển khai và sử dụng AI trong các giải pháp chấm điểm tín dụng tự động dựa trên kho dữ liệu khách hàng, dữ liệu mở, dữ liệu bên thứ ba và mô hình chấm điểm đáng tin cậy.

h) AI cho thương mại điện tử

- Chuyển đổi hoạt động thương mại điện tử, bán lẻ và kinh doanh số bằng AI; phát triển, triển khai, sử dụng AI trong phân tích hành vi khách hàng, cá thể hóa dịch vụ, tiếp thị thông minh, tối ưu giá bán, dự báo thị trường, vận hành kinh doanh theo dữ liệu thời gian thực và tự động hóa chăm sóc khách hàng.

- Phát triển các công cụ AI hỗ trợ người bán, doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã trong quản lý đơn hàng, quản lý tồn kho, chăm sóc khách hàng, tạo nội dung số, quảng bá sản phẩm, phân tích thị trường, dự báo nhu cầu và tối ưu hoạt động kinh doanh trên các nền tảng số.

- Triển khai, sử dụng AI trong phát hiện gian lận thương mại, hàng giả, hàng nhái, hành vi bất thường, đánh giá tín nhiệm giao dịch, bảo vệ người tiêu dùng và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động thương mại điện tử.

- Thúc đẩy kết nối dữ liệu giữa thương mại điện tử, logistics, thanh toán số, truy xuất nguồn gốc, quản lý thị trường và thuế để phát triển hệ sinh thái kinh doanh số minh bạch, an toàn và hiệu quả.

i) AI cho năng lượng

- Chuyển đổi hoạt động quản lý, điều hành và vận hành hệ thống năng lượng bằng AI; phát triển nền tảng bản sao số và AI chuyên ngành phục vụ dự báo nhu cầu, tối ưu điều độ hệ thống điện, vận hành lưới điện thông minh, phát hiện sự cố, bảo trì dự báo, giảm tổn thất điện năng và hỗ trợ ra quyết định theo thời gian thực.

- Ưu tiên phát triển, triển khai, sử dụng AI trong lưới điện thông minh, năng lượng tái tạo, nhà máy điện thông minh, hệ thống dự trữ năng lượng quốc gia và các hệ thống quản lý, giám sát, điều hành năng lượng.

- Phát triển, triển khai, sử dụng AI trong dự báo phụ tải, dự báo sản lượng năng lượng tái tạo, tối ưu vận hành nguồn điện, lưới điện, truyền tải, phân phối, lưu trữ năng lượng, quản lý nhu cầu điện, tiết kiệm năng lượng và nâng cao độ tin cậy của hệ thống điện.

- Thúc đẩy phát triển, triển khai, sử dụng AI trong quản lý năng lượng tại khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, trung tâm dữ liệu, tòa nhà, đô thị và các cơ sở tiêu thụ điện lớn; gắn phát triển hạ tầng AI với sử dụng năng lượng hiệu quả, xanh và bền vững.

- Ưu tiên phát triển, thử nghiệm và triển khai các nền tảng AI chuyên ngành, bản sao số, hệ thống dự báo, tối ưu vận hành, bảo trì dự báo, phát hiện bất thường, quản trị an toàn, quản trị môi trường - phát thải, quản trị rủi ro và hỗ trợ ra quyết định theo thời gian thực trong các lĩnh vực thăm dò - khai thác dầu khí, khí/LNG, điện, năng lượng tái tạo, lọc hóa dầu, hóa chất, công trình biển, đường ống, kho cảng và nhà máy công nghiệp năng lượng.

- Phát triển, triển khai, sử dụng AI trong hoạt động năng lượng nguyên tử, nghiên cứu, phát triển và vận hành lò phản ứng hạt nhân mô-đun nhỏ (Small Modular Reactor - SMR), an toàn bức xạ, bảo trì, dự báo, tối ưu vận hành nhà máy điện hạt nhân.

k) AI cho viễn thông, hạ tầng số

- Chuyển đổi phương thức quản lý, vận hành và cung cấp dịch vụ viễn thông, hạ tầng số, an toàn thông tin bằng AI; nâng cao năng lực giám sát, tối

ưu tài nguyên, bảo đảm chất lượng dịch vụ, an toàn hệ thống thông tin, an ninh mạng và khả năng chống chịu của hạ tầng số quốc gia.

- Phát triển, triển khai, sử dụng AI trong quy hoạch, quản lý, tối ưu và tự động hóa vận hành mạng viễn thông cố định, mạng di động thế hệ mới, hạ tầng kết nối Internet, trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, nền tảng số, hạ tầng dữ liệu và các hệ thống thông tin quan trọng.

- Phát triển mạng tự hành, vận hành mạng thông minh, bản sao số mạng; phát triển, triển khai, sử dụng AI trong tối ưu lưu lượng, tối ưu tài nguyên, tối ưu tiêu thụ năng lượng, phát hiện bất thường, bảo trì dự báo, quản lý chất lượng dịch vụ và nâng cao trải nghiệm người sử dụng.

- Phát triển các nền tảng AI phục vụ giám sát, phát hiện, cảnh báo sớm, phân tích và ứng phó sự cố an toàn thông tin, an ninh mạng; hỗ trợ bảo vệ dữ liệu, bảo vệ hệ thống thông tin, phòng chống tấn công mạng, mã độc, lừa đảo trực tuyến và các nguy cơ mất an toàn thông tin.

- Phát triển, triển khai, sử dụng AI trong giám sát, đánh giá, bảo vệ và nâng cao khả năng phục hồi của hạ tầng số, trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, nền tảng số dùng chung và hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

l) AI cho y tế

- Phát triển hệ thống y tế thông minh trên nền tảng dữ liệu lớn, công nghệ số và AI; phát triển, triển khai, sử dụng AI trong quản lý sức khỏe người dân, theo dõi sức khỏe liên tục, y tế dự phòng, cảnh báo sớm nguy cơ bệnh tật và hỗ trợ chăm sóc người cao tuổi.

- Phát triển, triển khai, sử dụng AI trong hỗ trợ chẩn đoán, điều trị, chăm sóc từ xa, điều phối nguồn lực y tế, công nghệ gen, y học chính xác, thiết kế thuốc và xây dựng phác đồ điều trị.

- Phát triển các nền tảng và công cụ AI hỗ trợ quản lý bệnh viện, tối ưu quy trình khám bệnh, chữa bệnh, phân luồng bệnh nhân, quản lý hồ sơ sức khỏe, dự báo nhu cầu dịch vụ y tế, quản lý thuốc, vật tư y tế và điều phối nguồn lực y tế.

- Phát triển, triển khai, sử dụng AI để nâng cao khả năng tiếp cận thành tựu y học hiện đại của người dân, mở rộng dịch vụ chăm sóc từ xa, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế và hiệu quả quản lý, vận hành hệ thống y tế.

m) AI cho giáo dục

- Phát triển nền tảng giáo dục thông minh, học liệu số mở, hệ thống học tập thích ứng, trợ lý học tập AI và công cụ đánh giá năng lực người học.

- Phát triển, triển khai, sử dụng AI trong cá thể hóa nội dung học tập, hỗ trợ người học tự học, ôn tập, đánh giá tiến bộ và tiếp cận tri thức phù hợp với năng lực, nhu cầu, điều kiện học tập.

- Phát triển, triển khai, sử dụng AI hỗ trợ giáo viên xây dựng bài giảng, thiết kế học liệu, tổ chức hoạt động dạy học, theo dõi tiến bộ của người học và nâng cao hiệu quả giảng dạy.

- Phát triển, triển khai, sử dụng AI hỗ trợ cơ sở giáo dục quản lý, vận hành dựa trên dữ liệu; nâng cao năng lực quản lý giáo dục, chất lượng dạy và học, khả năng tiếp cận giáo dục và kỹ năng AI cho người học, nhà giáo, người lao động.

n) AI cho lao động, việc làm, an sinh xã hội

- Phát triển nền tảng AI phục vụ dự báo thị trường lao động, phân tích chuyển dịch việc làm, nhu cầu kỹ năng, xu hướng nghề nghiệp và tác động của AI đối với việc làm, thu nhập, phúc lợi xã hội.

- Phát triển, triển khai, sử dụng AI trong kết nối cung - cầu lao động, tư vấn việc làm, xây dựng lộ trình đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng và hỗ trợ người lao động thích ứng với chuyển đổi AI.

- Phát triển, triển khai, sử dụng AI trong quản lý chính sách an sinh xã hội, xác định nhu cầu hỗ trợ, phân tích đối tượng thụ hưởng, cung cấp dịch vụ an sinh xã hội kịp thời, đúng đối tượng, bao trùm và phù hợp với điều kiện thực tiễn.

- Chuyển đổi phương thức quản lý, giám sát, đánh giá chính sách lao động, việc làm và an sinh xã hội bằng dữ liệu và AI, phục vụ hoạch định chính sách, phân bổ nguồn lực và nâng cao hiệu quả thực thi.

o) AI cho văn hóa, thể thao, du lịch, xuất bản, báo chí, phát thanh truyền hình

- Đối với lĩnh vực văn hóa:

+ Phát triển nền tảng AI, cơ sở dữ liệu di sản văn hóa Việt Nam, cơ sở dữ liệu và bản đồ số ngành công nghiệp văn hóa; phát triển, triển khai, sử dụng AI trong số hóa, phân loại, tìm kiếm, phục dựng, giới thiệu, quảng bá, khai thác giá trị di sản văn hóa, phát triển sản phẩm, dịch vụ văn hóa số và nâng cao hiệu quả quản lý, cung cấp dịch vụ văn hóa.

+ Bảo vệ chủ quyền văn hóa số: phát triển, triển khai, sử dụng AI trong phát hiện, cảnh báo, xử lý thông tin xuyên tạc lịch sử, bản sắc văn hóa dân tộc, thông tin sai lệch, độc hại theo quy định của pháp luật; hỗ trợ bảo tồn, phát huy tiếng nói, chữ viết của các dân tộc thiểu số và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong môi trường số.

- Đối với lĩnh vực thể thao: phát triển, triển khai, sử dụng AI trong quản lý, huấn luyện, thi đấu, phân tích dữ liệu vận động viên, tối ưu giáo án tập luyện,

phòng ngừa chấn thương, tổ chức sự kiện thể thao, phát triển thể thao thông minh và nâng cao trải nghiệm của người dân, khán giả, người hâm mộ.

- Đối với lĩnh vực du lịch: phát triển, triển khai, sử dụng AI trong quản lý, quảng bá, xúc tiến du lịch; phân tích dữ liệu du lịch, dự báo nhu cầu, phân tích dòng khách, cá thể hóa trải nghiệm du khách, hỗ trợ lập kế hoạch hành trình, cung cấp thông tin điểm đến, tối ưu dịch vụ và nâng cao chất lượng quản lý điểm đến; thúc đẩy kết nối dữ liệu giữa du lịch, văn hóa, giao thông, lưu trú, thương mại, dịch vụ và phản hồi của du khách để hình thành hệ sinh thái du lịch thông minh, an toàn, thuận tiện và có khả năng cạnh tranh.

- Đối với lĩnh vực xuất bản: phát triển, triển khai, sử dụng AI trong chuyển đổi quy trình biên tập, xuất bản, phát hành, lưu chiểu, lưu trữ số, tra cứu, khai thác tư liệu xuất bản; hỗ trợ phát triển xuất bản số, sách nói, sách điện tử, cá thể hóa tiếp cận tri thức, bảo vệ bản quyền và phát hiện vi phạm trong hoạt động xuất bản.

- Đối với lĩnh vực báo chí: phát triển, triển khai, sử dụng AI trong chuyển đổi mô hình tòa soạn số, hỗ trợ thu thập, phân tích, kiểm chứng, biên tập, sản xuất, phân phối và cá thể hóa nội dung báo chí; phân tích xu hướng thông tin, nhu cầu độc giả, đo lường hiệu quả truyền thông, phát hiện thông tin sai lệch, tin giả, nội dung độc hại theo quy định của pháp luật.

- Đối với lĩnh vực phát thanh, truyền hình: phát triển, triển khai, sử dụng AI trong sản xuất, biên tập, nhận diện giọng nói, chuyển lời nói thành văn bản, phụ đề tự động, dịch thuật, lưu trữ, tìm kiếm, khai thác tư liệu âm thanh, hình ảnh; tối ưu lịch phát sóng, phân phối nội dung đa nền tảng, phân tích khán giả và nâng cao chất lượng phục vụ công chúng.

p) AI cho tài nguyên, môi trường

- Chuyển đổi phương thức quản lý môi trường và đô thị bằng AI; phát triển mô hình đô thị xanh, thân thiện môi trường và hệ thống giám sát, quản lý môi trường thông minh; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo sớm, quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu.

- Phát triển, triển khai, sử dụng AI, dữ liệu lớn, cảm biến, viễn thám, UAV, bản sao số và mô hình mô phỏng trong giám sát chất lượng không khí, nước, đất, chất thải, tiếng ồn, ngập lụt, sạt lở, thiên tai, biến đổi khí hậu và các rủi ro môi trường khác.

- Phát triển nền tảng quản lý đô thị thông minh ứng dụng AI phục vụ quy hoạch, vận hành và tối ưu hạ tầng kỹ thuật, giao thông, năng lượng, cấp thoát nước, cây xanh, chiếu sáng, thu gom, phân loại, xử lý rác thải và các dịch vụ đô thị thiết yếu.

- Phát triển, triển khai, sử dụng AI trong cảnh báo sớm, hỗ trợ ra quyết định, điều phối nguồn lực, ứng phó sự cố môi trường, thiên tai, biến đổi khí hậu và nâng cao khả năng chống chịu của đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung và các địa bàn chịu tác động lớn của thiên tai, biến đổi khí hậu.

- Thúc đẩy liên thông dữ liệu môi trường, đô thị, giao thông, năng lượng, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, đất đai, xây dựng và dân cư để hình thành hệ sinh thái quản lý môi trường xanh và đô thị thông minh dựa trên dữ liệu, vận hành theo thời gian thực.

- Phát triển, triển khai, sử dụng AI trong quản lý tài nguyên, điều tra cơ bản, quan trắc, đo đạc, đánh giá, quy hoạch, quản lý, bảo vệ, khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, bền vững tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên địa chất, khoáng sản, tài nguyên biển và hải đảo.

q) AI cho quốc phòng, an ninh

- Phát triển nền tảng AI phục vụ bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh quốc gia, an ninh mạng, an toàn xã hội, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và quản trị an toàn xã hội theo quy định của pháp luật.

- Phát triển UAV lưỡng dụng, hệ thống phát hiện và chế áp UAV, trung tâm điều hành an ninh mạng tích hợp AI, hệ thống giám sát tấn công mạng theo thời gian thực, bảo mật dữ liệu và mã hóa kháng lượng tử.

- Phát triển, triển khai, sử dụng AI trong phân tích, dự báo, cảnh báo sớm, giám sát, hỗ trợ chỉ huy, điều hành, điều phối lực lượng và ứng phó các tình huống về quốc phòng, an ninh, an toàn xã hội, an ninh mạng, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

- Chuyển đổi phương thức quản lý, giám sát và vận hành các hệ thống phục vụ quốc phòng, an ninh, an toàn xã hội bằng AI; bảo đảm an toàn, bảo mật, khả năng kiểm soát và tuân thủ quy định của pháp luật trong quá trình triển khai.

7. Trụ cột 7. AI cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã

Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã tiếp cận, triển khai, duy trì sử dụng sản phẩm, dịch vụ, giải pháp AI và đo lường hiệu quả thực tế.

a) Xây dựng và triển khai các Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã chuyển đổi bằng AI nhằm hỗ trợ triển khai, sử dụng sản phẩm, dịch vụ, giải pháp AI; dịch vụ điện toán đám mây; hỗ trợ chuyển đổi AI, chuẩn hóa dữ liệu, đào tạo, tích hợp, vận hành và duy trì ứng dụng AI trong quản trị, sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ. Kết quả triển khai các Chương trình được đánh giá theo các chỉ tiêu cụ thể về số lượng đối

tượng được hỗ trợ; tỷ lệ duy trì sử dụng AI sau hỗ trợ; mức tăng năng suất, giảm chi phí, giảm thời gian xử lý công việc, tăng doanh thu, nâng cao chất lượng dịch vụ và khả năng nhân rộng mô hình.

b) Xây dựng, công bố và cập nhật định kỳ danh mục sản phẩm, dịch vụ, giải pháp AI phù hợp với doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã; ưu tiên giải pháp thiết thực, dễ triển khai, chi phí hợp lý, được đánh giá, lựa chọn, kiểm chứng về hiệu quả, an toàn, an ninh thông tin.

c) Phát triển dịch vụ điện toán đám mây phổ cập, dễ dùng, kinh tế, hiệu quả, an toàn và các gói AI cloud, AI API, công cụ phân tích dữ liệu, tự động hóa quy trình, trợ lý AI, chatbot, voicebot phù hợp với năng lực triển khai của doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã.

8. Trụ cột 8. Hệ sinh thái AI

Phát triển hệ sinh thái AI Việt Nam có năng lực nghiên cứu, phát triển, thương mại hóa và xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ, giải pháp AI.

a) Phát triển doanh nghiệp AI, doanh nghiệp khởi nghiệp AI, doanh nghiệp vận hành dựa trên AI (AI-native).

b) Khuyến khích thành lập các Trung tâm xuất sắc về AI (AI CoE) tại Tập đoàn kinh tế, tổng công ty, ngân hàng thương mại.

c) Xây dựng và triển khai các Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng AI để giải quyết các bài toán thực tiễn trong sản xuất, kinh doanh theo cơ chế hợp tác đồng đầu tư giữa Nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo.

d) Phát triển các sản phẩm, dịch vụ, giải pháp AI Make in Viet Nam.

đ) Ưu tiên sử dụng sản phẩm, dịch vụ AI Make in Viet Nam trong phạm vi các nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số và cung cấp dịch vụ công.

e) Kết nối thị trường và thúc đẩy thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ AI thông qua việc phát triển các nền tảng kết nối cung - cầu công nghệ.

g) Thúc đẩy hợp tác giữa doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục đại học và nhà đầu tư.

h) Phát triển các Cụm liên kết AI.

i) Hỗ trợ cộng đồng AI mở, mã nguồn mở, mô hình mở, công cụ và bộ dữ liệu mở có kiểm soát.

k) Xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ AI Việt Nam ra khu vực và thế giới.

9. Trụ cột 9. Quản trị AI an toàn, đáng tin cậy

Quản trị AI an toàn, đáng tin cậy, có trách nhiệm, bảo đảm AI được phát triển, cung cấp, triển khai và sử dụng theo quy định pháp luật.

a) Bảo đảm các nguyên tắc cơ bản phát triển, cung cấp, triển khai và sử dụng AI theo pháp luật về AI.

b) Bảo đảm hoạt động AI phù hợp với mục tiêu của con người, không phát triển ngoài mong muốn hoặc gây hại cho xã hội.

c) Triển khai, theo dõi, đánh giá và cập nhật Khung đạo đức trí tuệ nhân tạo quốc gia; hướng dẫn quản trị và đánh giá tuân thủ.

d) Nghiên cứu và phát triển các công nghệ bảo mật cho hệ thống AI, bao gồm các giải pháp giám sát, phát hiện, ngăn chặn các mối đe dọa từ bên ngoài vào hệ thống AI; các giải pháp kiểm tra, đánh giá độ tin cậy của hệ thống AI trước các hình thức tấn công đặc thù vào hệ thống AI; các công nghệ bảo mật dữ liệu, mô hình AI trong hệ thống AI.

đ) Xây dựng nền tảng, công cụ phục vụ việc giám sát, kiểm tra, đánh giá các sản phẩm, dịch vụ AI. Ưu tiên sử dụng công nghệ AI để giám sát, kiểm tra, đánh giá các sản phẩm, dịch vụ AI.

IV. GIẢI PHÁP ĐỘT PHÁ

1. Hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật

a) Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật, tạo hành lang pháp lý thông thoáng nhằm phát triển nhanh và ứng dụng hiệu quả AI vào mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội.

b) Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về AI để thúc đẩy phát triển và chuyển đổi AI quốc gia.

c) Nghiên cứu, xây dựng chính sách ưu đãi về thuế, mặt bằng cho trung tâm dữ liệu, HPC phục vụ AI.

d) Nghiên cứu, xây dựng chính sách ưu đãi năng lượng cho trung tâm dữ liệu, HPC phục vụ AI.

đ) Đổi mới cơ chế đầu tư, đặt hàng, giao nhiệm vụ, thuê dịch vụ công nghệ số, mua sắm công, hợp tác công tư và các cơ chế tạo lập thị trường nhằm phát huy vai trò Nhà nước là khách hàng lớn, người dẫn dắt thị trường và người sử dụng đầu tiên đối với sản phẩm, nền tảng, dịch vụ AI Make in Viet Nam; áp dụng cơ chế ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu; thúc đẩy đầu tư theo phương thức đối tác công - tư.

e) Tiếp tục hoàn thiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với hệ thống AI cho phép triển khai thí điểm trong phạm vi, thời gian và điều kiện xác định để đánh giá tác động, hoàn thiện chính sách, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, thương mại hóa công nghệ và phát triển các ngành kinh tế mới.

g) Xây dựng cơ chế, chính sách kiểm soát luồng dữ liệu trong hoạt động AI xuyên biên giới, kiểm soát xuất khẩu công nghệ AI nhạy cảm, triển khai các biện pháp pháp lý, kỹ thuật phù hợp và hợp tác quốc tế để bảo đảm an toàn thông tin, an ninh không gian mạng, dữ liệu cá nhân và thông tin chiến lược của quốc gia.

2. Điều phối quốc gia và trách nhiệm thực thi

a) Việc tổ chức thực hiện Chiến lược phải bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước; phát huy vai trò chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương, phân công rõ trách nhiệm, gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi AI được giao.

b) Người đứng đầu cơ quan của Đảng, Quốc hội, tổ chức chính trị - xã hội trực tiếp chỉ đạo, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm trước Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

c) Người đứng đầu bộ, ngành, địa phương trực tiếp chỉ đạo, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi AI được giao; định kỳ kiểm tra, đánh giá, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Chiến lược.

d) Các nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược được phân công theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan; bảo đảm mỗi việc có đầu mối chủ trì rõ ràng theo nguyên tắc 6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền. Việc tổ chức thực hiện hiệu quả gắn với kiểm tra, giám sát, đồng thời xác định đầy đủ cơ chế phối hợp liên ngành, liên cấp, tránh chồng chéo, phân tán, bỏ trống trách nhiệm hoặc giao việc vượt thẩm quyền pháp lý.

đ) Thường xuyên tổ chức thống kê, đo lường, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược, thực hiện trên nền tảng số dựa trên cơ sở dữ liệu bảo đảm đầy đủ, chính xác, kịp thời; lấy kết quả thực hiện và mức độ chuyển đổi AI làm căn cứ để xếp hạng, khen thưởng, điều chỉnh nhiệm vụ, chính sách và ưu tiên bố trí nguồn lực. Kết quả đánh giá phải được công khai, minh bạch, phục vụ chỉ đạo, điều hành và nâng cao trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương trong triển khai chuyển đổi AI.

3. Huy động nguồn lực, bảo đảm kinh phí

a) Nhà nước bảo đảm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu thực hiện.

b) Triển khai hình thức hợp tác công - tư và thu hút các quỹ đầu tư quốc tế để huy động thêm nguồn lực phục vụ nghiên cứu, phát triển và triển khai AI.

c) Nghiên cứu đề xuất cơ chế tín dụng ưu đãi cho nghiên cứu, phát triển, sử dụng AI; cơ chế hỗ trợ lãi suất cho nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và quản lý AI thông qua các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia.

d) Nghiên cứu cơ chế hỗ trợ lãi suất cho nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và quản lý AI thông qua các Quỹ phát triển khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

đ) Nghiên cứu cơ chế ưu đãi thuế đối với hoạt động trí tuệ nhân tạo.

e) Nghiên cứu xây dựng cơ chế hỗ trợ chi phí nghiên cứu, phát triển, ứng dụng AI theo kết quả, hiệu quả triển khai bảo đảm có giám sát, đánh giá và phù hợp với quy định của pháp luật; hỗ trợ kinh phí sử dụng AI cho công chức, viên chức, người lao động; hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nghiên cứu, phát triển và triển khai sản phẩm, giải pháp AI theo bài toán thực tế; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã tiếp cận các công cụ tài chính cho triển khai, sử dụng sản phẩm, giải pháp AI.

g) Nghiên cứu, xây dựng cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, cung cấp sản phẩm, dịch vụ AI, ưu tiên doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, thực hiện thử nghiệm, kiểm thử, đánh giá sự phù hợp, chứng nhận và hoàn thiện sản phẩm, dịch vụ AI theo quy định của pháp luật.

4. Hợp tác quốc tế và xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn

a) Xây dựng chương trình hợp tác AI song phương, đa phương với các nước phát triển và tổ chức quốc tế.

b) Thiết lập chương trình trao đổi nghiên cứu sinh, kỹ sư, nhà khoa học trong lĩnh vực AI giữa Việt Nam và các trung tâm nghiên cứu, phát triển AI hàng đầu thế giới.

c) Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) chất lượng cao và các tập đoàn công nghệ lớn trên thế giới đầu tư, xây dựng trung tâm nghiên cứu và phát triển AI tại Việt Nam, thông qua ưu đãi đầu tư và hạ tầng dữ liệu, điện toán tiên tiến với điều kiện chuyển giao công nghệ, nội địa hóa, đào tạo nhân lực; bảo

đảm an toàn dữ liệu, an ninh mạng và lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam trong các trường hợp pháp luật quy định.

d) Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ Việt Nam hợp tác với các tập đoàn công nghệ lớn trên thế giới nhằm tiếp nhận chuyển giao công nghệ mới và hợp tác phát triển sản phẩm AI "Make in Viet Nam" hướng tới đồng kiến tạo giá trị và đồng phát triển năng lực.

đ) Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp Việt Nam thực hiện mua bán, sáp nhập các công ty khởi nghiệp nước ngoài đã có sản phẩm đạt chất lượng và thị phần quốc tế để giảm thời gian làm chủ công nghệ và cung cấp sản phẩm ra thị trường toàn cầu.

e) Tích cực tham gia các diễn đàn, sáng kiến quốc tế, ký kết các thỏa thuận song phương và đa phương về chính sách quản trị, đạo đức, tiêu chuẩn AI nhằm bảo vệ người dân và phòng chống thao túng xã hội từ AI.

g) Hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo tiếp cận, mua chip AI, GPU, năng lực tính toán, thiết lập hiện diện ở nước ngoài, kết nối khách hàng, chuyên gia, vốn đầu tư, tiêu chuẩn, pháp lý và sở hữu trí tuệ.

h) Rà soát, cập nhật bảo đảm các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo hướng hài hòa, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế về AI.

i) Xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành, tiêu chí kỹ thuật áp dụng cho sản phẩm, dịch vụ ứng dụng AI trong các ngành, lĩnh vực.

k) Tham gia hoạt động tiêu chuẩn hóa AI khu vực và toàn cầu.

l) Hình thành các tổ chức đánh giá sự phù hợp hệ thống AI.

5. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và văn hóa sử dụng AI có trách nhiệm

a) Tổ chức truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật, tập huấn về nội dung Luật và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Trí tuệ nhân tạo.

b) Xây dựng và triển khai kế hoạch tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết của toàn xã hội và thúc đẩy sử dụng AI có trách nhiệm, tuân thủ đạo đức về AI.

c) Tổ chức các chương trình, hội thảo, hội nghị nhằm tuyên truyền, phổ biến về ý nghĩa, tầm quan trọng, tính tất yếu của việc nghiên cứu, phát triển và chuyển đổi AI.

d) Xây dựng, ban hành hoặc lồng ghép hoạt động tuyên truyền nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, triển khai và sử dụng AI trong các chương trình, kế hoạch có liên quan.

6. Đo lường, giám sát, đánh giá

a) Xây dựng, ban hành và định kỳ rà soát, cập nhật các chỉ tiêu đánh giá mức độ chuyển đổi AI của bộ, ngành, địa phương và quốc gia phù hợp với Chiến lược, điều kiện thực tiễn và thông lệ quốc tế.

b) Đánh giá chuyển đổi AI quốc gia và công bố công khai kết quả đánh giá định kỳ hằng năm làm căn cứ theo dõi, đôn đốc, điều chỉnh Chiến lược, làm cơ sở theo dõi, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện, xem xét biểu dương, khen thưởng.

c) Xây dựng, triển khai các giải pháp công nghệ để theo dõi, thống kê, đo lường, giám sát, đánh giá được các mục tiêu, kết quả thực hiện nhiệm vụ của Chiến lược trên môi trường số, bảo đảm tự động tối đa, kịp thời, công khai, minh bạch.

d) Nghiên cứu, khảo sát, xây dựng, đề xuất, công bố các mô hình chuyển đổi AI mới, mô hình chuyển đổi AI thành công để phát triển, phổ biến; xuất bản tài liệu hướng dẫn, sổ tay, tài liệu tham khảo kinh nghiệm quản lý nhà nước về AI tại các quốc gia phát triển.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí để thực hiện Chiến lược quốc gia về AI bao gồm:

a) Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các quy định pháp luật có liên quan; trong đó, ưu tiên sử dụng các Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Nguồn ngân sách nhà nước chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên cho các hoạt động kinh tế theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

c) Nguồn vốn vay, đóng góp, tài trợ, đầu tư của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước bao gồm Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và các quỹ, nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc Chiến lược do cơ quan nhà nước chủ trì.

3. Đẩy mạnh việc huy động các nguồn lực tài chính từ các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia thực hiện Chiến lược

theo quy định pháp luật; lồng ghép các nhiệm vụ giao cho các bộ, ngành, địa phương trong các chương trình mục tiêu quốc gia khác có liên quan.

4. Việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Chiến lược bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả và theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Chiến lược.

b) Chủ trì điều phối liên ngành trong quá trình tổ chức thực hiện Chiến lược; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chiến lược của các bộ, ngành, địa phương, cơ quan trung ương, doanh nghiệp, tổ chức có liên quan.

c) Chủ trì thực hiện đo lường, giám sát, đánh giá tại khoản 6 mục IV Điều 1 Quyết định này.

d) Hằng năm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình và kết quả thực hiện Chiến lược; tiến hành rà soát đột xuất khi có biến động lớn về công nghệ hoặc địa chính trị; chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ; kịp thời báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp khi cần thiết.

đ) Chủ trì tổ chức truyền thông, phổ biến, nâng cao nhận thức, đào tạo, bồi dưỡng năng lực chuyển đổi AI phục vụ thực hiện Chiến lược; xây dựng, tổ chức các sự kiện, giải thưởng nhằm thúc đẩy chuyển đổi AI.

e) Chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về nội dung, tính hợp pháp, tính thống nhất, tính khả thi và toàn bộ thông tin, số liệu được nêu tại Tờ trình số 158/TTr-BKHCN ngày 28 tháng 7 năm 2026 cùng hồ sơ trình phê duyệt Chiến lược.

2. Bộ Tài chính

Chủ trì cân đối, bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ, dự án của Chiến lược theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

3. Bộ Công an

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu trong hoạt động phát triển, cung cấp, triển khai và sử dụng hệ thống AI; bảo vệ dữ liệu cá nhân; phòng, chống tội phạm công nghệ cao và các hành vi lợi dụng hệ thống AI vi phạm pháp luật theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

b) Chủ trì triển khai các giải pháp giám sát, điều hành, phát hiện, cảnh báo và ứng cứu sự cố đối với hạ tầng AI quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các hệ thống thông tin thiết yếu.

c) Xây dựng, vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về trí tuệ nhân tạo.

4. Bộ Quốc phòng

a) Chủ trì nghiên cứu, phát triển, triển khai AI phục vụ quốc phòng, bảo vệ chủ quyền quốc gia, ứng dụng AI phục vụ an ninh, quốc phòng, an toàn thông tin quân sự và nhiệm vụ lưỡng dụng.

b) Bảo đảm an toàn, an ninh đối với hệ thống AI có khả năng ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền và lợi ích chiến lược của đất nước.

5. Bộ Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì triển khai hiệu quả Chương trình quốc gia về phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo nhằm phát triển nhân lực AI theo hướng toàn diện, tiếp cận năng lực, chuẩn hóa, tham chiếu các chuẩn mực quốc tế và phù hợp với điều kiện Việt Nam, gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

6. Bộ Ngoại giao

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, cơ quan liên quan triển khai công tác đối ngoại phục vụ thực hiện Chiến lược, bảo đảm phù hợp với đường lối đối ngoại, cam kết quốc tế và lợi ích quốc gia.

b) Phối hợp thúc đẩy hợp tác quốc tế về AI; hỗ trợ kết nối đối tác, nguồn lực quốc tế, mạng lưới người Việt Nam ở nước ngoài và sự tham gia của Việt Nam tại các diễn đàn, sáng kiến quốc tế về AI theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hỗ trợ triển khai hoạt động đối ngoại, quảng bá, kết nối hợp tác quốc tế về AI.

7. Các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp

a) Chủ động tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp để thực hiện mục tiêu của Chiến lược, đẩy mạnh ứng dụng AI trong hoạt động của cơ quan Đảng, Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

b) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện Chiến lược.

8. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm:

a) Căn cứ vào nội dung, nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược, xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể; xác định rõ lộ trình, nhiệm vụ, nguồn lực và trách nhiệm thực hiện đối với từng mục tiêu, chỉ tiêu thuộc phạm vi quản lý.

b) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Chiến lược bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả.

c) Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, quy định thuộc phạm vi quản lý để bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Chiến lược; kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp xử lý trong quá trình thực hiện.

d) Bố trí nhân lực, kinh phí, hạ tầng và các điều kiện cần thiết khác để thực hiện Chiến lược; lồng ghép, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực từ các chương trình, kế hoạch, đề án có liên quan; ưu tiên triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, có tác động lan tỏa.

đ) Kết nối, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu; phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các cơ quan có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện, theo dõi, đánh giá, điều chỉnh Chiến lược và triển khai các nhiệm vụ liên ngành, liên vùng.

e) Tổ chức theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chiến lược trong phạm vi quản lý; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định; phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và cơ quan có thẩm quyền trong công tác hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chiến lược.

g) Xác định và công bố bài toán AI ưu tiên, dữ liệu có thể khai thác, nhu cầu thuê, mua sắm, tiêu chí lựa chọn, ngân sách dự kiến để doanh nghiệp tham gia.

9. Doanh nghiệp

a) Chủ động xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai Chiến lược của doanh nghiệp, xác định rõ mục tiêu, lộ trình, nguồn lực và chỉ tiêu đo lường hiệu quả; định kỳ cập nhật kế hoạch phù hợp với sự phát triển của công nghệ và yêu cầu thị trường.

b) Rà soát, tái thiết kế quy trình sản xuất, kinh doanh, quản trị để tích hợp AI; xây dựng hạ tầng dữ liệu nội bộ, chuẩn hóa dữ liệu vận hành phục vụ phát triển và triển khai mô hình AI phù hợp với đặc thù ngành; ưu tiên lựa chọn, thử nghiệm sản phẩm, nền tảng, dịch vụ AI Make in Viet Nam.

c) Đào tạo, nâng cao kỹ năng AI cho người lao động; xây dựng văn hóa ra quyết định dựa trên dữ liệu và AI; bố trí kinh phí đào tạo lại cho lao động bị tác động bởi tự động hóa.

d) Tuân thủ các quy định của pháp luật về dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng, an toàn thông tin mạng và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình tham gia thực hiện Chiến lược.

10. Các tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp nhà nước chủ chốt có trách nhiệm:

a) Căn cứ vào nội dung, nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược, xây dựng kế hoạch triển khai Chiến lược toàn diện trong nội bộ doanh nghiệp.

b) Khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ số chủ động nghiên cứu, cập nhật xu hướng công nghệ số mới; tham gia góp ý, đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp chuyển đổi số; phối hợp với cơ quan nhà nước trong ứng dụng, thử nghiệm, chuyển giao, làm chủ công nghệ số tại Việt Nam.

c) Doanh nghiệp công nghệ số tham gia tư vấn, xây dựng, triển khai kế hoạch chuyển đổi AI cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân; tham gia giải quyết bài toán lớn của Nhà nước, bộ, ngành, địa phương; hợp tác quốc tế, tiếp nhận chuyển giao công nghệ, hướng tới xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ AI ra khu vực và quốc tế.

d) Chủ động đầu tư, nghiên cứu, phát triển, thương mại hóa sản phẩm, nền tảng, dịch vụ AI Make in Viet Nam; liên kết cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo để đồng phát triển và chuyển giao công nghệ AI nhằm từng bước làm chủ công nghệ lõi, giảm phụ thuộc nền tảng AI nước ngoài.

đ) Khuyến khích công bố, chia sẻ dữ liệu, mô hình, giải pháp mã nguồn mở phục vụ hệ sinh thái AI trong nước.

e) Tuân thủ các quy định của pháp luật về dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng, an toàn thông tin mạng và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình tham gia thực hiện Chiến lược.

11. Các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo và các tổ chức khác có liên quan có trách nhiệm:

a) Chủ động tham gia thực hiện Chiến lược thông qua đầu tư, nghiên cứu, phát triển, cung cấp sản phẩm, dịch vụ, nền tảng, giải pháp AI và các hoạt động hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc triển khai các chương trình, đề án, nhiệm vụ, dự án thuộc Chiến lược; tham gia xây dựng, góp ý, phản biện, đề xuất sáng kiến nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện Chiến lược.

c) Tham gia truyền thông, đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng AI, hỗ trợ cộng đồng, người dân, doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng AI, thúc đẩy văn hóa sử dụng AI an toàn, có trách nhiệm.

d) Tuân thủ các quy định của pháp luật về dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng, an toàn thông tin mạng và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình tham gia thực hiện Chiến lược.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030.

3. Các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án đang triển khai theo Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2021 tiếp tục được thực hiện cho đến khi hoàn thành hoặc được điều chỉnh, tích hợp theo Chiến lược này. Các cơ quan có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh các nội dung không còn phù hợp, bảo đảm thống nhất với Quyết định này.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Hồ Quốc Dũng

Phụ lục I
HỆ THỐNG MỤC TIÊU THUỘC CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045
(Kèm theo Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Chỉ tiêu cụ thể	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp thực hiện
A.	**MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030**		
I.	**Tác động quốc gia**		
1.	Việt Nam thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu khu vực Đông Nam Á về nghiên cứu và phát triển AI	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương
2.	Quy mô nền kinh tế AI tương đương khoảng 6% GDP	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính, các bộ, ngành, địa phương
3.	Năng suất lao động trong các ngành, lĩnh vực ứng dụng AI tăng tối thiểu 10 - 15%	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương
4.	Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ và giải pháp tích hợp AI đạt khoảng 05 tỷ USD	Bộ Tài chính	Bộ Khoa học và Công nghệ
II.	**Kết quả**		
5.	60% doanh nghiệp có ứng dụng AI ghi nhận tăng năng suất, giảm chi phí, tăng doanh thu	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương
6.	100% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng nền tảng AI trong công việc hằng tuần	Bộ Nội Vụ	Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành, địa phương
7.	60% quyết định chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước được hỗ trợ bởi dữ liệu và AI	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương
8.	Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với dịch vụ công được hỗ trợ bởi AI tăng tối thiểu 30% so với năm 2026	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương
9.	Công bố khoa học quốc tế về AI tăng 10%/năm	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương
10.	Số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế liên quan đến AI của người Việt Nam tăng trung bình 16 - 18%/năm	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương

11.	Tỷ lệ khai thác thương mại các sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ đạt 8 - 10%.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương
12.	Có ít nhất 100 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo về AI đạt giá trị doanh nghiệp trên 10 triệu USD	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương
III.	**Sản phẩm đầu ra**		
13.	100% bộ, ngành, địa phương ban hành kế hoạch triển khai Chiến lược	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh	Bộ Khoa học và Công nghệ
14.	100% dịch vụ công trực tuyến được tích hợp, hỗ trợ bởi AI	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương
15.	100% hồ sơ TTHC được hỗ trợ xử lý bằng AI	Bộ Tư pháp	Các bộ, ngành, địa phương
16.	100% trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh được nâng cấp theo hướng tích hợp AI phục vụ phân tích, dự báo, cảnh báo, giám sát và hỗ trợ ra quyết định.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương
17.	Hình thành 01 nền tảng điều phối năng lực tính toán AI quốc gia	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Công an, các bộ, ngành, địa phương
18.	Hình thành 01 nền tảng đánh giá mô hình AI tiếng Việt	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương
19.	Phát triển tối thiểu 05 nền tảng AI dùng chung quốc gia	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương
20.	Hình thành tối thiểu 10 thương hiệu AI của Việt Nam có năng lực cạnh tranh khu vực và quốc tế	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương
21.	Phát triển tối thiểu 08 mô hình AI tiếng Việt (02 nhỏ, 02 vừa, 02 lớn, 02 rất lớn)	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương
22.	Đào tạo trình độ cao, chuyên sâu cho tối thiểu 10.000 người về AI, bao gồm nhà nghiên cứu, kỹ sư và chuyên gia ứng dụng có năng lực nghiên cứu, phát triển công nghệ, triển khai và dẫn dắt các hệ thống AI quy mô lớn	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành, địa phương
23.	Đào tạo, phát triển tối thiểu 50.000 nhân lực trình độ đại học trở lên có năng lực ứng dụng AI trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành, địa phương

24.	Đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng tối thiểu 500.000 người lao động có khả năng triển khai, vận hành và ứng dụng AI trong các ngành, lĩnh vực	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành, địa phương
25.	Tối thiểu 10 triệu lao động đã qua đào tạo được trang bị kỹ năng sử dụng AI cơ bản	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo; các bộ, ngành, địa phương; doanh nghiệp
26.	Tối thiểu 500.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã được hỗ trợ sản phẩm, giải pháp tích hợp AI	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương
IV.	**Đầu vào**		
27.	Tổng đầu tư cho AI đạt 1 - 1,5% GDP hằng năm, bao gồm nguồn lực từ Nhà nước, doanh nghiệp trong và ngoài nước, quỹ đầu tư, hợp tác công - tư, nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác, trong đó đầu tư từ ngân sách nhà nước cho AI đạt khoảng 0,6% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính, các bộ, ngành, địa phương
28.	Tổng năng lực hạ tầng tính toán AI đạt ~560 EFLOPS BF16 (hoặc ~1.100 EFLOPS FP8), tổng công suất điện ~500 MW	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương
29.	Công suất điện cho trung tâm dữ liệu AI tăng ít nhất 3 lần so với năm 2025	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành, địa phương
30.	100% cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trọng yếu và dữ liệu dùng chung thuộc danh mục được phê duyệt hoàn thành việc số hóa, chuẩn hóa, làm sạch, sẵn sàng khai thác cho AI	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương
31.	100% cơ quan nhà nước cấp bộ, cấp tỉnh mở và cung cấp dữ liệu mở bảo đảm chất lượng	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương
B.	**MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2045**		
32.	Việt Nam thuộc nhóm 10 nước dẫn đầu châu Á về năng lực nghiên cứu, phát triển AI và chuyển đổi AI quốc gia	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương

Phụ lục II

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Kèm theo Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đơn vị thực hiện	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
I.	**Nhân lực AI và kỹ năng AI toàn dân**					
1.	Tổ chức triển khai hiệu quả Chương trình quốc gia phát triển nhân lực AI; định kỳ rà soát, đánh giá, đề xuất sửa đổi bổ sung Chương trình phù hợp thực tiễn.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành, địa phương	Các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu	2026: Chương trình quốc gia phát triển nhân lực AI được phê duyệt. Triển khai, đánh giá Chương trình hàng năm.	2026 - 2030
2.	Đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng các chuyên gia, kỹ sư trong các ngành, lĩnh vực kỹ năng chuyên ngành AI.	Các bộ, ngành, địa phương		Doanh nghiệp trong ngành, lĩnh vực	Báo cáo kết quả đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng báo cáo cho bộ, ngành, địa phương quản lý.	2026 - 2030
3.	Xây dựng Đề án quốc gia đào tạo lại, bồi dưỡng cho nhóm lao động nguy cơ bị AI thay thế.	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, địa phương	Các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp	2027: Ban hành Đề án quốc gia đào tạo lại, bồi dưỡng cho nhóm lao động nguy cơ bị AI thay thế.	2027

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đơn vị thực hiện	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
4.	Tổ chức các khóa tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức sử dụng AI.	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, địa phương	Cơ sở giáo dục, doanh nghiệp công nghệ số	Các khóa tập huấn được tổ chức hàng năm.	2026 - 2027
5.	Đào tạo các chuyên gia về an ninh mạng và AI.	Bộ Công an	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cơ sở giáo dục, doanh nghiệp công nghệ số	Các khóa đào tạo được tổ chức hàng năm, số lượng chuyên gia được đào tạo.	2026 - 2030
6.	Phổ cập AI toàn dân, toàn diện thông qua các khóa học đại trà trực tuyến mở (MOOCs).	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương	Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân	Số lượng người tham gia các khóa học trên nền tảng.	2026 - 2030
7.	Phát triển mạng lưới chuyên gia AI người Việt toàn cầu, phát hiện và bồi dưỡng tài năng trẻ trong nghiên cứu và phát triển công nghệ AI.	Bộ Khoa học và Công nghệ		Cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục, cá nhân	Năm 2026, hình thành mạng lưới chuyên gia AI người Việt toàn cầu được hình thành. Phát triển mạng lưới chuyên gia trong các năm tiếp theo.	2026 - 2030
8.	Tổ chức thực hiện chính sách thu hút nhân tài về AI.	Bộ Khoa học và Công nghệ		Các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, cơ	Báo cáo về tình hình thu hút, trọng dụng nhân tài AI của các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, cơ sở	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đơn vị thực hiện	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
				sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục	nghiên cứu, cơ sở giáo dục	
II.	**Dữ liệu, mô hình AI**					
9.	Phát triển, mở, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung và các bộ dữ liệu lớn, chất lượng cao phục vụ nghiên cứu, phát triển, huấn luyện, kiểm thử, đánh giá và triển khai mô hình AI.	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Công an; Bộ Khoa học và Công nghệ	Doanh nghiệp công nghệ số, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục và các tổ chức, cá nhân có liên quan	Các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung, các bộ dữ liệu lớn.	2026 - 2027
10.	Phát triển công nghệ gán nhãn, tổng hợp, xử lý, phân tích dữ liệu.	Bộ Khoa học và Công nghệ		Doanh nghiệp công nghệ số, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục và các tổ chức, cá nhân có liên quan	Nền tảng/công cụ gán nhãn, tổng hợp, xử lý, phân tích.	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đơn vị thực hiện	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
11.	Phát triển thị trường dữ liệu, hạ tầng dữ liệu, nền tảng chia sẻ dữ liệu và sản phẩm, dịch vụ dữ liệu phục vụ AI.	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương	Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân	2026: Hình thành thị trường dữ liệu, hạ tầng dữ liệu, nền tảng chia sẻ dữ liệu và sản phẩm, dịch vụ dữ liệu phục vụ AI.	2026 -2030
12.	Hoàn thiện cơ chế mở, chia sẻ, lưu thông, truy cập an toàn và liên thông dữ liệu, bảo đảm an ninh dữ liệu, chủ quyền dữ liệu quốc gia.	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương		Cơ chế chính sách được xây dựng và ban hành.	2026
13.	Hoàn thiện quy định về quyền tài sản đối với dữ liệu, sở hữu trí tuệ và khai thác hợp pháp nội dung phục vụ AI.	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương		Quy định về quyền tài sản đối với dữ liệu, sở hữu trí tuệ và khai thác hợp pháp nội dung phục vụ AI được ban hành.	2027
14.	Phát triển, làm chủ và triển khai các mô hình AI có quy mô phù hợp, bao gồm mô hình nhỏ, mô hình vừa, mô hình lớn và mô hình chuyên ngành.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương	Doanh nghiệp công nghệ số, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học và các tổ chức, cá	Các mô hình AI tiếng Việt được phát triển.	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đơn vị thực hiện	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
				nhân có liên quan		
15.	Xây dựng bộ chuẩn đánh giá mô hình AI tiếng Việt.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương	Doanh nghiệp công nghệ số, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục và các tổ chức, cá nhân có liên quan	Bộ chuẩn đánh giá mô hình AI tiếng Việt được ban hành.	2027
III.	**Hạ tầng AI**					
16.	Phát triển hạ tầng AI					
16.1.	Phát triển hạ tầng AI phục vụ quản lý nhà nước.	Bộ Công an		Doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ số	2026: Nghiên cứu xây dựng hạ tầng AI phục vụ quản lý nhà nước; tiếp tục phát triển trong các năm tiếp theo.	2026 - 2030
16.2.	Phát triển hạ tầng AI phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo.	Bộ Khoa học và Công nghệ		Doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp	2026: Nghiên cứu, xây dựng hạ tầng AI phục vụ R&D và đổi mới sáng tạo được triển khai; tiếp tục phát triển trong các năm tiếp theo.	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đơn vị thực hiện	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
				công nghệ số		
16.3.	Phát triển hạ tầng AI gồm hạ tầng điện toán đám mây, điện toán đám mây lai, đa đám mây cho AI; AI biên; AI trên thiết bị đầu cuối; AI kết hợp Internet vạn vật có khả năng xử lý và phản hồi theo thời gian thực	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương	Doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài đầu tư, vận hành, khai thác	Hạ tầng AI do doanh nghiệp đầu tư, vận hành, khai thác.	2026 - 2030
17.	Nghiên cứu, xây dựng nền tảng điều phối năng lực tính toán AI quốc gia, bảo đảm các nhóm đối tượng ưu tiên tiếp cận tài nguyên tính toán với chi phí hợp lý.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Công an, các bộ, ngành, địa phương	Doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây, doanh nghiệp công nghệ số	Nghiên cứu, xây dựng nền tảng điều phối năng lực tính toán AI quốc gia.	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đơn vị thực hiện	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
18.	Hỗ trợ chi phí sử dụng hạ tầng tính toán cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân theo quy định pháp luật.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương	Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan	Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được hỗ trợ chi phí sử dụng hạ tầng tính toán.	2026 - 2030
19.	Quy hoạch hạ tầng nước và năng lượng xanh cho trung tâm dữ liệu AI, HPC; bảo đảm đến năm 2030 công suất điện sạch cho trung tâm dữ liệu AI tăng ít nhất 03 lần so với năm 2025	Bộ Công Thương	Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Tập đoàn điện lực Việt Nam	Quy hoạch hạ tầng điện cho trung tâm dữ liệu AI được ban hành.	2026 - 2030
IV.	**Nghiên cứu, phát triển AI và làm chủ công nghệ AI**					
20.	Xây dựng, phát triển 03 cơ sở nghiên cứu/trung tâm AI xuất sắc đặt tại Hà Nội, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.	Các địa phương: Hà Nội, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh	Bộ Khoa học và Công nghệ	03 cơ sở nghiên cứu/trung tâm AI xuất sắc	03 cơ sở nghiên cứu/trung tâm AI xuất sắc	2026 - 2030
21.	Xây dựng, phát triển các liên minh nghiên cứu giữa doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức xã hội để chia sẻ nguồn lực thúc đẩy phát triển, triển khai các công nghệ và thiết bị liên quan đến AI vào các ngành, lĩnh vực.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương	Các cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục, doanh nghiệp, tổ chức xã hội	Các liên minh nghiên cứu giữa doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo và các tổ chức xã hội được hình thành và phát triển.	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đơn vị thực hiện	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
22.	Nghiên cứu, phát triển các sản phẩm, dịch vụ AI "Make in Viet Nam" thông qua giải quyết các bài toán lớn, vấn đề thực tiễn của đất nước, hình thành thị trường cho sản phẩm AI nội địa, góp phần phát triển các doanh nghiệp AI Việt Nam, từng bước tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương	Doanh nghiệp công nghệ số, cơ sở giáo dục và các tổ chức, cá nhân có liên quan	Sản phẩm, dịch vụ AI Make in Viet Nam giải quyết các bài toán lớn được phát triển và thương mại hóa. Hình thành các thương hiệu AI của Việt Nam có năng lực cạnh tranh trên thị trường khu vực và quốc tế.	2026 - 2030
23.	Làm chủ và phát triển các công nghệ lõi về AI, công nghệ dữ liệu, AI biên, mô hình AI nền tảng thế hệ mới và các công nghệ AI tích hợp với công nghệ mới nổi.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương	Cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục, doanh nghiệp công nghệ số và các tổ chức, cá nhân có liên quan	Công nghệ lõi AI, công nghệ dữ liệu, AI biên được làm chủ và phát triển.	2026 - 2030
24.	Đầu tư vào các nghiên cứu về tương tác người - máy (Human - Computer Interaction - HCI).	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Bộ Khoa học và Công nghệ	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Các nghiên cứu về tương tác người - máy được đầu tư.	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đơn vị thực hiện	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
25.	Đầu tư vào nghiên cứu cơ bản, đổi mới công nghệ, ưu tiên các công nghệ tích hợp AI và năng lượng.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương	Doanh nghiệp, các cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục	Các nghiên cứu cơ bản về công nghệ tích hợp AI và năng lượng được thúc đẩy.	2026 - 2030
26.	Nghiên cứu, phát triển AI thế hệ mới có khả năng nhận thức, suy luận, dự báo và hành động trong thế giới thực, ưu tiên AI vật lý, trí tuệ không gian, mô hình thế giới, bản sao số thông minh.	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Bộ Khoa học và Công nghệ	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về AI thế hệ mới	2026 - 2030
27.	Nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ AI và người máy (robot), công nghệ giám sát hiện trường thời gian thực nhằm chủ động bảo đảm an toàn, an ninh quốc gia trong tình hình mới.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương	Doanh nghiệp công nghệ số, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục và các tổ chức, cá nhân có liên quan	Các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về công nghệ AI và người máy (robot), công nghệ giám sát hiện trường thời gian thực nhằm chủ động bảo đảm an toàn, an ninh quốc gia trong tình hình mới được nghiên cứu và triển khai.	2026 - 2030
28.	Phát triển nền tảng AI phục vụ kiểm thử vi mạch chuyên dụng, đóng gói tiên tiến, vật liệu mới và các công nghệ chiến lược khác.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương	Doanh nghiệp công nghệ số, cơ sở	Nền tảng AI phục vụ kiểm thử vi mạch, vật liệu mới và công nghệ chiến lược được phát triển.	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đơn vị thực hiện	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
				nghiên cứu, cơ sở giáo dục và các tổ chức, cá nhân có liên quan		
29.	Phát triển các nền tảng, ứng dụng mở về AI sẵn có, chủ động tham gia đóng góp vào cộng đồng mở về AI.	Doanh nghiệp công nghệ số, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục và các tổ chức, cá nhân có liên quan		Doanh nghiệp công nghệ số, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục và các tổ chức, cá nhân có liên quan	Nền tảng, ứng dụng mở về AI được phát triển; đóng góp vào cộng đồng AI mở toàn cầu.	2026 - 2030
30.	Phát triển một số sản phẩm AI lưỡng dụng cho an ninh, quốc phòng.	Bộ Công an, Bộ Quốc phòng	Các bộ, ngành, địa phương	Doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục và các tổ chức, cá nhân có liên quan	Sản phẩm AI lưỡng dụng phục vụ an ninh, quốc phòng được phát triển.	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đơn vị thực hiện	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
31.	Nghiên cứu tác động của AI đến con người và xã hội (nhận thức, đạo đức, việc làm, phúc lợi) bảo đảm AI an toàn, nhân văn, có trách nhiệm.	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	Các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	Báo cáo nghiên cứu tác động AI đến con người và xã hội được công bố; chính sách AI an toàn, nhân văn được đề xuất.	2027 - 2028
V.	**AI trong quản trị quốc gia**					
32.	Tích hợp AI vào hạ tầng số dùng chung và nền tảng nghiệp vụ chuyên ngành.	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Khoa học và Công nghệ	Doanh nghiệp công nghệ số, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục	Hạ tầng số dùng chung và nền tảng nghiệp vụ chuyên ngành tích hợp AI.	2026 - 2030
33.	Ứng dụng AI trong quản trị, chỉ đạo, điều hành: phân tích chính sách, đánh giá tác động, dự báo kinh tế - xã hội, xây dựng và rà soát văn bản quy phạm pháp luật, giám sát thực thi, hỗ trợ ra quyết định.	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Khoa học và Công nghệ	Doanh nghiệp công nghệ số, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục	Hệ thống AI hỗ trợ quản trị, chỉ đạo, điều hành được triển khai tại các bộ, ngành, địa phương.	2026 - 2030
34.	Xây dựng, triển khai Nền tảng AI hỗ trợ công vụ quốc gia theo hướng AI-First, AI-Native, ưu tiên các nhóm bài toán: trợ lý AI công vụ; AI hỗ trợ cung cấp dịch	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Công an và các bộ, ngành, địa phương liên quan.		Cuối năm 2026 có phiên bản đầu tiên của nền tảng AI hỗ trợ công vụ quốc gia.	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đơn vị thực hiện	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
	vụ công; AI hỗ trợ xây dựng, rà soát, hoàn thiện thể chế; AI phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành.				Hoàn thiện mở rộng, tích hợp và vận hành trong các năm tiếp theo.	
35.	Phát triển các Trung tâm điều hành thông minh ứng dụng công nghệ AI, Internet vạn vật (IoT), thiết bị bay không người lái (UAV), 5G, vệ tinh và các công nghệ tiên tiến; ứng dụng AI trong dự báo tình hình kinh tế - xã hội quốc gia, bộ, ngành, địa phương.	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Khoa học và Công nghệ	Doanh nghiệp công nghệ số, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục	Các Trung tâm điều hành thông minh ứng dụng công nghệ AI, Internet vạn vật (IoT), thiết bị bay không người lái (UAV), 5G, vệ tinh và các công nghệ tiên tiến.	2026 - 2030
36.	Ứng dụng bản sao số trong quản lý hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng đô thị tại các thành phố, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung (có nhu cầu).	Các địa phương	Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ	Doanh nghiệp công nghệ số, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục	Bản sao số trong quản lý hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng đô thị được hoàn thành và đưa vào sử dụng.	2026 - 2030
VI.	**AI cho các ngành, lĩnh vực**					
37.	AI cho nghiên cứu khoa học.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương	Doanh nghiệp công nghệ số, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục	Số lượng các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có ứng dụng AI.	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đơn vị thực hiện	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
38.	AI cho sản xuất công nghiệp.	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành, địa phương	Doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, doanh nghiệp công nghệ số, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục	Các mô hình, sản phẩm, dịch vụ ứng dụng AI trong sản xuất công nghiệp.	2026 - 2030
39.	AI cho logistics và chuỗi cung ứng.	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành, địa phương	Doanh nghiệp trong lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng, doanh nghiệp công nghệ số, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục	Các mô hình, sản phẩm, dịch vụ ứng dụng AI trong chuỗi cung ứng.	2026 - 2030
40.	AI cho giao thông, vận tải.	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành, địa phương		Các mô hình, sản phẩm, dịch vụ ứng dụng AI trong giao thông, vận tải.	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đơn vị thực hiện	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
41.	AI cho nông nghiệp.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành, địa phương	Doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, doanh nghiệp công nghệ số, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục	Các mô hình, sản phẩm, dịch vụ ứng dụng AI trong nông nghiệp.	2026 - 2030
42.	AI cho tài chính.	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, địa phương	Doanh nghiệp trong lĩnh vực tài chính; Doanh nghiệp công nghệ số, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục	Các mô hình, sản phẩm, dịch vụ ứng dụng AI trong tài chính.	2026 - 2030
43.	AI cho ngân hàng.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Các bộ, ngành, địa phương	Doanh nghiệp trong lĩnh	Các mô hình, sản phẩm, dịch vụ ứng dụng AI trong ngân hàng.	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đơn vị thực hiện	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
				vực tài chính, ngân hàng; Doanh nghiệp công nghệ số, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục		
44.	AI cho thương mại điện tử.	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành, địa phương	Doanh nghiệp trong lĩnh vực thương mại điện tử, doanh nghiệp công nghệ số, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục	Các mô hình, sản phẩm, dịch vụ ứng dụng AI trong nông nghiệp.	2026 - 2030
45.	AI cho năng lượng.	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành, địa phương	Doanh nghiệp trong lĩnh vực năng lượng,	Các mô hình, sản phẩm, dịch vụ ứng dụng AI trong năng lượng.	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đơn vị thực hiện	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
				doanh nghiệp công nghệ số, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục		
46.	AI cho viễn thông, hạ tầng số.	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an		Doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây, doanh nghiệp công nghệ số, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục	Các mô hình ứng dụng AI trong viễn thông, hạ tầng số.	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đơn vị thực hiện	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
47.	AI cho y tế.	Bộ Y tế	Các bộ, ngành, địa phương	Doanh nghiệp trong lĩnh vực y tế, doanh nghiệp công nghệ số, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục	Các mô hình, sản phẩm, dịch vụ ứng dụng AI trong y tế.	2026 - 2030
48.	AI cho giáo dục.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành, địa phương	Cơ sở giáo dục, doanh nghiệp công nghệ số, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục	Các mô hình, sản phẩm, dịch vụ ứng dụng AI trong giáo dục.	2026 - 2030
49.	AI cho lao động, việc làm, an sinh xã hội.	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, địa phương	Doanh nghiệp, doanh nghiệp công nghệ số, hiệp hội, tổ chức xã	Các mô hình, sản phẩm, dịch vụ ứng dụng AI trong lao động, việc làm, an sinh xã hội.	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đơn vị thực hiện	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
				hội, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục		
50.	AI cho văn hóa, thể thao, du lịch, xuất bản, báo chí, phát thanh truyền hình.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành, địa phương	Doanh nghiệp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, xuất bản, báo chí, phát thanh truyền hình, doanh nghiệp công nghệ số, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục	Các mô hình, sản phẩm, dịch vụ ứng dụng AI trong văn hóa, thể thao, du lịch, xuất bản, báo chí, phát thanh truyền hình.	2026 - 2030
51.	AI cho tài nguyên, môi trường.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành, địa phương	Doanh nghiệp trong lĩnh vực môi trường,	Các mô hình, sản phẩm, dịch vụ ứng dụng AI trong quản lý tài nguyên, môi trường.	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đơn vị thực hiện	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
				đô thị; doanh nghiệp công nghệ số, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục		
52.	AI cho quốc phòng, an ninh.	Bộ Công an, Bộ Quốc phòng	Các bộ, ngành, địa phương	Doanh nghiệp, doanh nghiệp công nghệ số, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục	Các mô hình, sản phẩm, dịch vụ ứng dụng AI trong quốc phòng, an ninh.	2026 - 2030
VII.	**AI cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã**					
53.	Xây dựng và triển khai các Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã chuyển đổi bằng AI	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương	Doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã	Các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã được hỗ trợ sản phẩm, giải pháp AI. Báo cáo đánh giá kết quả hỗ trợ.	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đơn vị thực hiện	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
54.	Xây dựng, công bố và cập nhật định kỳ danh mục sản phẩm, dịch vụ, giải pháp AI phù hợp với doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương	Doanh nghiệp công nghệ số	2026: Danh mục sản phẩm, giải pháp AI phù hợp với SMEs công bố. Cập nhật định kỳ danh mục.	2026 – 2030
55.	Phát triển dịch vụ điện toán đám mây phổ cập, dễ dùng, kinh tế, hiệu quả và an toàn phục vụ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã chuyển đổi bằng AI.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương	Doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện toán đám mây, doanh nghiệp công nghệ số	Các dịch vụ điện toán đám mây phổ cập, dễ dùng, kinh tế, hiệu quả và an toàn được phát triển và vận hành	2026 - 2030
VIII.	**Hệ sinh thái AI**					
56.	Phát triển doanh nghiệp AI, doanh nghiệp khởi nghiệp AI, doanh nghiệp vận hành dựa trên AI (AI-native).	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương	Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan	Số lượng doanh nghiệp AI, doanh nghiệp khởi nghiệp AI, doanh nghiệp vận hành dựa trên AI (AI-native).	2026 - 2030
57.	Khuyến khích thành lập các Trung tâm xuất sắc về AI (AI	Các bộ, ngành, địa phương		Tập đoàn kinh tế, tổng công	Số lượng các Trung tâm xuất sắc về AI (AI CoE) tại Tập đoàn kinh tế,	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đơn vị thực hiện	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
	CoE) tại Tập đoàn kinh tế, tổng công ty, ngân hàng thương mại.			ty, ngân hàng thương mại	tổng công ty, ngân hàng thương mại	
58.	Xây dựng và triển khai các Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng AI để giải quyết các bài toán thực tiễn trong sản xuất, kinh doanh theo cơ chế hợp tác đồng đầu tư giữa Nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương	Doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp trong các ngành, lĩnh vực, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo	Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng AI	2026 - 2030
59.	Phát triển các sản phẩm, dịch vụ, giải pháp AI Make in Viet Nam.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương	Doanh nghiệp công nghệ số, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục, tổ chức, cá nhân	Sản phẩm, dịch vụ, giải pháp AI Make in Viet Nam được phát triển và thương mại hóa.	2026 - 2030
60.	Ưu tiên sử dụng sản phẩm, dịch vụ AI Make in Viet Nam trong phạm vi các nhiệm vụ, dự án ứng	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương,	Sản phẩm, dịch vụ AI Make in Viet Nam được sử dụng trong	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đơn vị thực hiện	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
	dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số và cung cấp dịch vụ công.			doanh nghiệp	phạm vi các nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số và cung cấp dịch vụ công.	
61.	Kết nối thị trường và thúc đẩy thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ AI thông qua việc phát triển các nền tảng kết nối cung - cầu công nghệ.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương	Hội, hiệp hội, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan	Các hoạt động kết nối thị trường và thúc đẩy thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ AI.	Thường xuyên
62.	Phát triển các Cụm liên kết AI.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương	Doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục và các tổ chức liên quan	Số lượng Cụm liên kết AI hình thành	2026 - 2030
63.	Hỗ trợ cộng đồng AI mở, mã nguồn mở, mô hình mở, công cụ và bộ dữ liệu mở có kiểm soát.	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương	Doanh nghiệp công nghệ số, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục	Cộng đồng AI mở, mã nguồn mở, mô hình mở và bộ dữ liệu mở có kiểm soát được hỗ trợ và phát triển.	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đơn vị thực hiện	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
				và các tổ chức liên quan		
IX.	**Quản trị AI an toàn, đáng tin cậy**					
64.	Triển khai , theo dõi, đánh giá và cập nhật Khung đạo đức AI quốc gia; hướng dẫn quản trị và đánh giá tuân thủ.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương		2026: Khung đạo đức AI quốc gia và cơ chế giám sát đạo đức AI được ban hành; triển khai , theo dõi, đánh giá và cập nhật Khung đạo đức AI quốc gia; hướng dẫn quản trị và đánh giá tuân thủ trong các năm tiếp theo.	2026 - 2030
65.	Nghiên cứu, phát triển công nghệ bảo mật cho hệ thống AI; phát hiện, ngăn chặn, giám sát và ứng phó với các mối đe dọa.`	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương	Doanh nghiệp công nghệ số, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục và các tổ chức liên quan	Công nghệ bảo mật cho hệ thống AI; phát hiện, ngăn chặn, giám sát và ứng phó với các mối đe dọa được nghiên cứu, phát triển.	2026 - 2030
66.	Xây dựng nền tảng, công cụ phục vụ việc giám sát, kiểm tra, đánh giá các sản phẩm, dịch vụ AI. Ưu	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Công an, các bộ,	Doanh nghiệp công nghệ	Nền tảng, công cụ phục vụ việc giám sát, kiểm	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đơn vị thực hiện	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
	tiên sử dụng công nghệ AI để giám sát, kiểm tra, đánh giá các sản phẩm, dịch vụ AI.		ngành, địa phương	số, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục và các tổ chức liên quan	tra, đánh giá các sản phẩm, dịch vụ AI	
X.	**Hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật**					
67.	Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật, tạo hành lang pháp lý thông thoáng nhằm phát triển nhanh và tích hợp AI vào mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội.	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Khoa học và Công nghệ		Văn bản quy phạm pháp luật.	2026 - 2030
68.	Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về AI để thúc đẩy phát triển và chuyển đổi bằng AI quốc gia.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương		Văn bản quy phạm pháp luật.	2026 - 2030
69.	Nghiên cứu, xây dựng chính sách ưu đãi về thuế, mặt bằng cho trung tâm dữ liệu, HPC phục vụ AI.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính, các bộ, ngành, địa phương		Chính sách ưu đãi về thuế, mặt bằng cho trung tâm dữ liệu và HPC phục vụ AI được ban hành.	2026 - 2030
70.	Nghiên cứu, xây dựng chính sách ưu đãi năng lượng cho trung tâm dữ liệu, HPC phục vụ AI.	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành, địa phương		Chính sách ưu đãi về năng lượng cho trung tâm dữ liệu và HPC	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đơn vị thực hiện	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
					phục vụ AI được ban hành.	
71.	Đổi mới cơ chế đầu tư, đặt hàng, giao nhiệm vụ, thuê dịch vụ công nghệ số, mua sắm công, hợp tác công tư và các cơ chế tạo lập thị trường nhằm phát huy vai trò Nhà nước là khách hàng lớn, người dẫn dắt thị trường và người sử dụng đầu tiên đối với sản phẩm, nền tảng, dịch vụ AI Make in Viet Nam; áp dụng cơ chế ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu; thúc đẩy đầu tư theo phương thức đối tác công - tư.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương		Cơ chế, chính sách được hoàn thiện.	2026 - 2030
72.	Tiếp tục hoàn thiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với hệ thống AI cho phép triển khai thí điểm trong phạm vi, thời gian và điều kiện xác định để đánh giá tác động, hoàn thiện chính sách, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, thương mại hóa công nghệ và phát triển các ngành kinh tế mới.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương		Cơ chế, chính sách được hoàn thiện.	2026 - 2030
73.	Xây dựng cơ chế, chính sách kiểm soát luồng dữ liệu trong hoạt động AI xuyên biên giới,	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương		Văn bản quy định hoặc hướng dẫn.	2026

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đơn vị thực hiện	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
	kiểm soát xuất khẩu công nghệ AI nhạy cảm, triển khai các biện pháp pháp lý, kỹ thuật phù hợp và hợp tác quốc tế để bảo đảm an toàn thông tin, an ninh không gian mạng, dữ liệu cá nhân và thông tin chiến lược của quốc gia.					
XI.	**Huy động nguồn lực, bảo đảm kinh phí**					
74.	Nghiên cứu đề xuất cơ chế tín dụng ưu đãi cho nghiên cứu, phát triển, ứng dụng AI; cơ chế hỗ trợ lãi suất cho nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và quản lý AI thông qua các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Ngân hàng nhà nước, Bộ Tài chính		Cơ chế tín dụng ưu đãi, hỗ trợ lãi suất được đề xuất	2026 - 2027
75.	Nghiên cứu cơ chế hỗ trợ lãi suất cho nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và quản lý AI thông qua các Quỹ phát triển khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác	Các bộ ngành, địa phương			Cơ chế hỗ trợ lãi suất cho nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và quản lý AI thông qua các Quỹ phát triển khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, cơ	2026 - 2027

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đơn vị thực hiện	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
	ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.				quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được xây dựng	
76.	Nghiên cứu cơ chế ưu đãi thuế đối với hoạt động AI.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính, các bộ, ngành, địa phương		Cơ chế ưu đãi thuế đối với hoạt động AI	Thường xuyên
77.	Nghiên cứu xây dựng cơ chế hỗ trợ chi phí nghiên cứu, phát triển, ứng dụng AI theo kết quả, hiệu quả triển khai bảo đảm có giám sát, đánh giá và phù hợp với quy định của pháp luật; hỗ trợ kinh phí sử dụng AI cho công chức, viên chức, người lao động; hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam ứng dụng, phát triển và triển khai sản phẩm, giải pháp AI theo bài toán thực tế; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã tiếp cận các công cụ tài chính cho ứng dụng sản phẩm, giải pháp AI.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính, các bộ, ngành, địa phương		Các cơ chế hỗ trợ.	Thường xuyên
78.	Nghiên cứu, xây dựng cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, cung cấp sản phẩm, dịch vụ AI, ưu tiên	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính, các		Các cơ chế hỗ trợ.	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đơn vị thực hiện	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
	doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, thực hiện thử nghiệm, kiểm thử, đánh giá sự phù hợp, chứng nhận và hoàn thiện sản phẩm, dịch vụ AI theo quy định của pháp luật.		bộ, ngành, địa phương			
XII.	**Hợp tác quốc tế và xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn**					
79.	Xây dựng chương trình hợp tác AI song phương, đa phương với các nước phát triển và tổ chức quốc tế.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Ngoại giao		Các chương trình hợp tác, hiệp định được ký kết.	2026 - 2030
80.	Thiết lập chương trình trao đổi nghiên cứu sinh, kỹ sư, nhà khoa học trong lĩnh vực AI giữa Việt Nam và các trung tâm nghiên cứu, phát triển AI hàng đầu thế giới.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ		Các chương trình trao đổi trao đổi nghiên cứu sinh, kỹ sư, nhà khoa học trong lĩnh vực AI giữa Việt Nam và các trung tâm nghiên cứu, phát triển AI được ký kết.	2026 - 2030
81.	Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) chất lượng cao và các tập đoàn công nghệ lớn trên thế giới đầu tư, xây dựng trung tâm nghiên cứu và phát triển AI tại Việt Nam, thông qua ưu đãi đầu tư và hạ tầng dữ liệu, điện toán tiên tiến với điều kiện	Bộ Tài chính	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Ngoại giao, các bộ, ngành, địa phương		Số lượng dự án đầu tư FDI về AI. Số lượng trung tâm nghiên cứu và phát triển AI của nước ngoài tại Việt Nam.	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đơn vị thực hiện	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
	chuyển giao công nghệ, nội địa hóa, đào tạo nhân lực; bảo đảm an toàn dữ liệu, an ninh mạng và lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam trong các trường hợp pháp luật quy định.					
82.	Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ Việt Nam hợp tác với các tập đoàn công nghệ lớn trên thế giới nhằm tiếp nhận chuyển giao công nghệ mới và hợp tác phát triển sản phẩm AI "Make in Viet Nam" hướng tới đồng kiến tạo giá trị và đồng phát triển năng lực.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Ngoại giao		Số lượng công nghệ được nhận chuyển giao và hợp tác phát triển sản phẩm AI "Make in Vietnam"	2026 - 2030
83.	Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp Việt Nam thực hiện mua bán, sáp nhập các công ty khởi nghiệp nước ngoài đã có sản phẩm đạt chất lượng và thị phần quốc tế để giảm thời gian làm chủ công nghệ AI và cung cấp sản phẩm ra thị trường toàn cầu.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Ngoại giao	Doanh nghiệp công nghệ số	Số lượng thương vụ mua bán, sáp nhập	2026 - 2030
84.	Tích cực tham gia các diễn đàn, sáng kiến quốc tế, ký kết các thỏa thuận song phương và đa phương về chính sách quản trị, đạo đức,	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Ngoại giao		Báo cáo thực hiện.	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đơn vị thực hiện	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
	tiêu chuẩn AI nhằm bảo vệ người dân và phòng chống thao túng xã hội từ AI.					
85.	Hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục tiếp cận, mua chip AI, GPU, năng lực tính toán, thiết lập hiện diện ở nước ngoài, kết nối khách hàng, chuyên gia, vốn đầu tư, tiêu chuẩn, pháp lý và sở hữu trí tuệ.	Bộ Ngoại giao	Bộ Khoa học và Công nghệ	Doanh nghiệp công nghệ số phát triển sản phẩm, giải pháp AI Make in Viet Nam	Số lượng doanh nghiệp Việt Nam, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục được hỗ trợ mua chip AI, GPU, năng lực tính toán. Số lượng văn phòng đại diện của doanh nghiệp ở nước ngoài, kết nối khách hàng, chuyên gia, vốn đầu tư, tiêu chuẩn, pháp lý và sở hữu trí tuệ.	2026 - 2030
86.	Rà soát, cập nhật bảo đảm các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo hướng hài hòa, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế về AI.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan		Tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật về AI được rà soát và cập nhật.	2026 - 2030
87.	Xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành, tiêu chí kỹ thuật áp dụng cho sản phẩm, dịch vụ ứng dụng AI trong các ngành, lĩnh vực.	Các bộ, ngành			Các tiêu chuẩn, quy chuẩn, tiêu chí kỹ thuật.	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đơn vị thực hiện	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
88.	Tham gia hoạt động tiêu chuẩn hóa AI khu vực và toàn cầu.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành	Doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục	Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật AI được xây dựng, hài hòa và áp dụng phù hợp với tiêu chuẩn khu vực và quốc tế.	2026 - 2030
89.	Hình thành các tổ chức đánh giá sự phù hợp hệ thống AI.	Bộ Khoa học và Công nghệ		Doanh nghiệp, tổ chức có liên quan	Số lượng tổ chức đánh giá sự phù hợp hệ thống AI.	2026 - 2030
XIII.	**Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và văn hóa sử dụng AI có trách nhiệm**					
90.	Tổ chức truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật, tập huấn về nội dung Luật và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Trí tuệ nhân tạo.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương	Các cơ quan báo chí, truyền thông	Hội nghị, tọa đàm, tài liệu phổ biến, tài liệu truyền thông, tài liệu tập huấn.	2026 - 2030
91.	Triển khai tuyên truyền nâng cao nhận thức, hiểu biết của xã hội về AI.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương	Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, các bộ, ngành, địa phương	Kế hoạch truyền thông quốc gia về AI được ban hành hằng năm.	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đơn vị thực hiện	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
				và cơ quan có liên quan		
92.	Tổ chức chương trình, hội thảo, hội nghị tuyên truyền, phổ biến ý nghĩa, tầm quan trọng và tính tất yếu của chuyển đổi bằng AI.	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan báo chí, truyền thông	Các chương trình, hội thảo, hội nghị tuyên truyền được tổ chức.	2026 - 2030
93.	Xây dựng hoặc lồng ghép tuyên truyền AI vào chương trình, kế hoạch của bộ, ngành, địa phương.	Các bộ, ngành địa phương	Bộ Khoa học và Công nghệ		Các Chương trình, kế hoạch của bộ, ngành, địa phương lồng ghép tuyên truyền AI.	2026 - 2027
XIV.	**Đo lường, giám sát, đánh giá**					
94.	Xây dựng, ban hành và định kỳ rà soát, cập nhật các chỉ tiêu đánh giá mức độ chuyển đổi AI của bộ, ngành, địa phương và quốc gia phù hợp với Chiến lược, điều kiện thực tiễn và thông lệ quốc tế;	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức, cơ quan liên quan		Nghiên cứu, xây dựng chỉ tiêu đánh giá mức độ chuyển đổi AI của bộ, ngành, địa phương và quốc gia.	2026
95.	Đánh giá chuyển đổi AI quốc gia và công bố công khai kết quả đánh giá định kỳ hằng năm, làm căn cứ theo dõi, đôn đốc, điều chỉnh Chiến lược, làm cơ sở theo dõi, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện, xem xét biểu dương, khen thưởng.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức, cơ quan liên quan		Kết quả đánh giá định kỳ hằng năm.	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đơn vị thực hiện	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
96.	Xây dựng, triển khai các giải pháp công nghệ để theo dõi, thống kê, đo lường, giám sát, đánh giá được các mục tiêu, kết quả thực hiện nhiệm vụ của Chiến lược trên môi trường số, bảo đảm tự động tối đa, kịp thời, công khai, minh bạch.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức, cơ quan liên quan		Các giải pháp công nghệ để theo dõi, thống kê, đo lường, giám sát, đánh giá.	2027 - 2028
97.	Nghiên cứu, khảo sát, xây dựng, đề xuất, công bố các mô hình chuyển đổi AI mới, mô hình chuyển đổi AI thành công để phát triển, phổ biến; xuất bản tài liệu hướng dẫn, sổ tay, tài liệu tham khảo kinh nghiệm quản lý nhà nước về AI tại các quốc gia phát triển.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức, cơ quan liên quan		Các mô hình chuyển đổi AI mới, mô hình chuyển đổi AI thành công được công bố; tài liệu hướng dẫn, sổ tay, tài liệu tham khảo kinh nghiệm quản lý nhà nước về AI được xuất bản	Thường xuyên